

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ</b> .....	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh .....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.3. Các khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	3
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	7
1.2.2 - Kế toán giá vốn hàng bán.....	9
1.2.3 - Kế toán chi phí quản lý kinh doanh. ....	14
1.2.4 - Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính. ..	16
1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác .....	18
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	20
1.3 <b>TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN</b> .....	23
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung .....	23
1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái.....	24
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ .....	25
1.3.4 Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ.....	27
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	28
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH HẢI</b> .....	29
2.1. Khái quát chung về Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải .....	29
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải. ....	29

2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải. ....	31
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý .....	31
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải. ....	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải. ....	36
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán .....	44
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	51
2.2.4 - Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính .....	57
2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	62
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	62
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH HẢI .....</b>	<b>69</b>
3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.....	69
3.1.1. Kết quả đạt được. ....	69
3.1.2. Hạn chế.....	70
3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.....	71
3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.....	71
3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	72
3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	73
3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	73
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>87</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Với chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Chính phủ đề ra trong những năm gần đây, nền kinh tế trong nước ngày càng phát triển, đòi hỏi các thành phần tham gia kinh tế không ngừng nỗ lực vươn lên. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nhiều doanh nghiệp với nhau đặt ra các vấn đề cho các doanh nghiệp là: Làm thế nào để tồn tại lâu dài và theo kịp nền kinh tế trong nước và ngoài nước. Cũng như làm thế nào để tối đa hóa lợi nhuận trong kinh tế, ổn định vị thế của mình.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã quyết định chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải”** cho bài khóa luận của mình.

Ngoài lời nói đầu và kết luận, bài khóa luận của em gồm có 3 chương.

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô sẽ chỉ bảo, tạo điều kiện để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 25 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Ngô Thị Nhàn

## CHƯƠNG 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

#### 1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Doanh thu và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ. Vì vậy, kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận vô cùng quan trọng trong cấu thành kế toán doanh nghiệp.

Kế toán kết quả kinh doanh cho chúng ta cái nhìn tổng hợp và chi tiết về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho các nhà quản trị trong quá trình quản lý và phát triển doanh nghiệp.

Việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

Đồng thời cũng phải đảm bảo tiêu thụ, duy trì sự liên tục của hoạt động kinh tế, đảm bảo mối liên hệ mật thiết giữa các khâu trong quá trình tái sản xuất. Chính vì thế đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hóa cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả tiêu thụ hàng hóa là điều cần thiết.

#### 1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp. Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

### ***1.1.3. Các khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.***

#### ***1.1.3.1. Doanh thu:***

\* **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu

#### **\* Các loại doanh thu:**

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền thu được từ các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu thêm ngoài giá bán.

#### **\* Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Theo chuẩn mực 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận theo điều kiện sau 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn tức là đã xác định được tương đối chắc chắn về thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**\* Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

**\* Các khoản giảm trừ doanh thu:**

- Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ do doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ... đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

- Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại, ...

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá ...

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế đánh vào tất cả hàng hoá, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu.

### 1.1.3.2. Chi phí:

#### - Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động và vật chất mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định.

#### - Các loại chi phí:

**Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được (xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

**Chi phí quản lý kinh doanh:** Là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp và các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp như chi phí về lương nhân viên bán hàng, quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

**Chi phí hoạt động tài chính:** phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, ...

**Chi phí khác:** là khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ, giá trị còn lại của thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, ...

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

*1.1.3.3. Xác định kết quả kinh doanh*

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

$$\text{Kết quả sản xuất kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$



$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} &= \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác} \\ \text{Lợi nhuận sau thuế} &= \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế thu nhập DN} \end{aligned}$$

## 1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

#### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm chi, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.

#### 1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

##### \* Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### *Kết cấu của tài khoản 511*

##### **Bên nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

**Bên Có:**

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

• *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2*

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 – Doanh thu hoạt động khác

**\* Tài khoản 521: “Các khoản giảm trừ doanh thu”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán đã cam kết.

*Kết cấu tài khoản 521*

**Bên Nợ:**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

**Bên Có:**

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

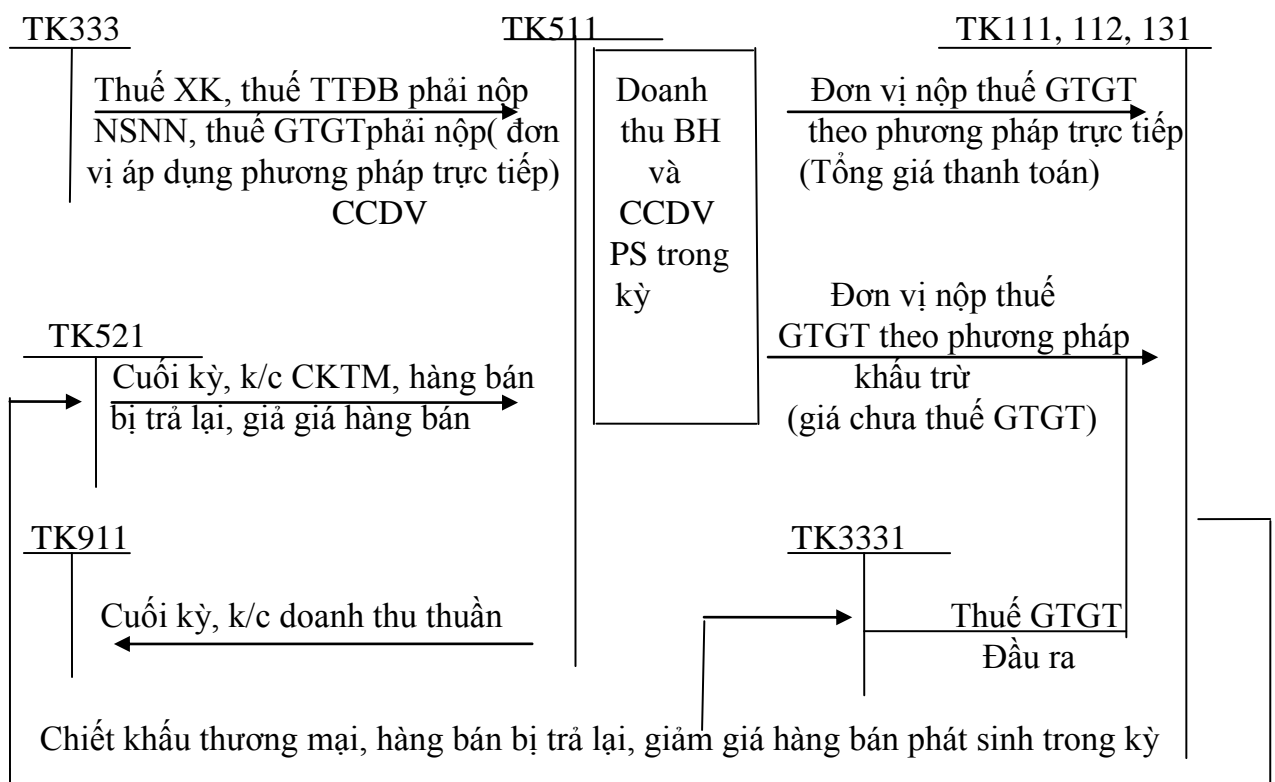
Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

- *Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp 2:*
  - Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
  - Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại

- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán
- \* Tài khoản 3331 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- \* Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt.
- \* Tài khoản 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu

**1.2.1.3 Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:



**Sơ đồ 1.1 : Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.2.2 - Kế toán giá vốn hàng bán**

**1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.**

Doanh nghiệp phải xác định được giá vốn của hàng xuất bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong thực tế do giá cả của hàng hoá mua vào luôn biến động do đó mỗi lần nhập là một đơn giá khác nhau. Vì vậy, đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp nhất định để xác định trị giá hàng hoá xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Có nhiều cách tính trị giá hàng xuất kho khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương

pháp cho phù hợp:

\* *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước, hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hoá sau đó được xuất kho theo đúng tự như chúng được mua vào nhập kho.

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Tuy nhiên, nhược điểm của phương pháp này là đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất theo từng lần. Trị giá hàng xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

\* *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này những hàng hoá mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hoá xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng. Phương pháp này có ưu điểm là trị giá hàng xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời điểm xuất kho hàng hoá. Nhưng trị giá hàng hoá tồn kho bị xác định kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động về giảm giá.

\* *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Phương pháp này, giá trị của từng loại hàng hoá tồn kho được tính theo trị giá trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho tương tự được mua trong kỳ.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ.}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

*\* Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Phương pháp này, hàng hoá thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn cho hàng xuất kho.

Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán phải kiểm soát được từng lô hàng, từng loại hàng hoá tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo hoá đơn của chúng.

Phương pháp này áp dụng trong những doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập ít.

*1.2.2.2. Chứng từ kế toán sử dụng.*

- Phiếu xuất kho.
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, Hợp đồng kinh tế.
- Các chứng từ khác có liên quan.

*1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.*

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, ...

*Kết cấu của tài khoản 632 theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi đã trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

*Kết cấu của tài khoản 632 theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

**Bên nợ:**

- Trị giá vốn hàng hoá đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

**Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

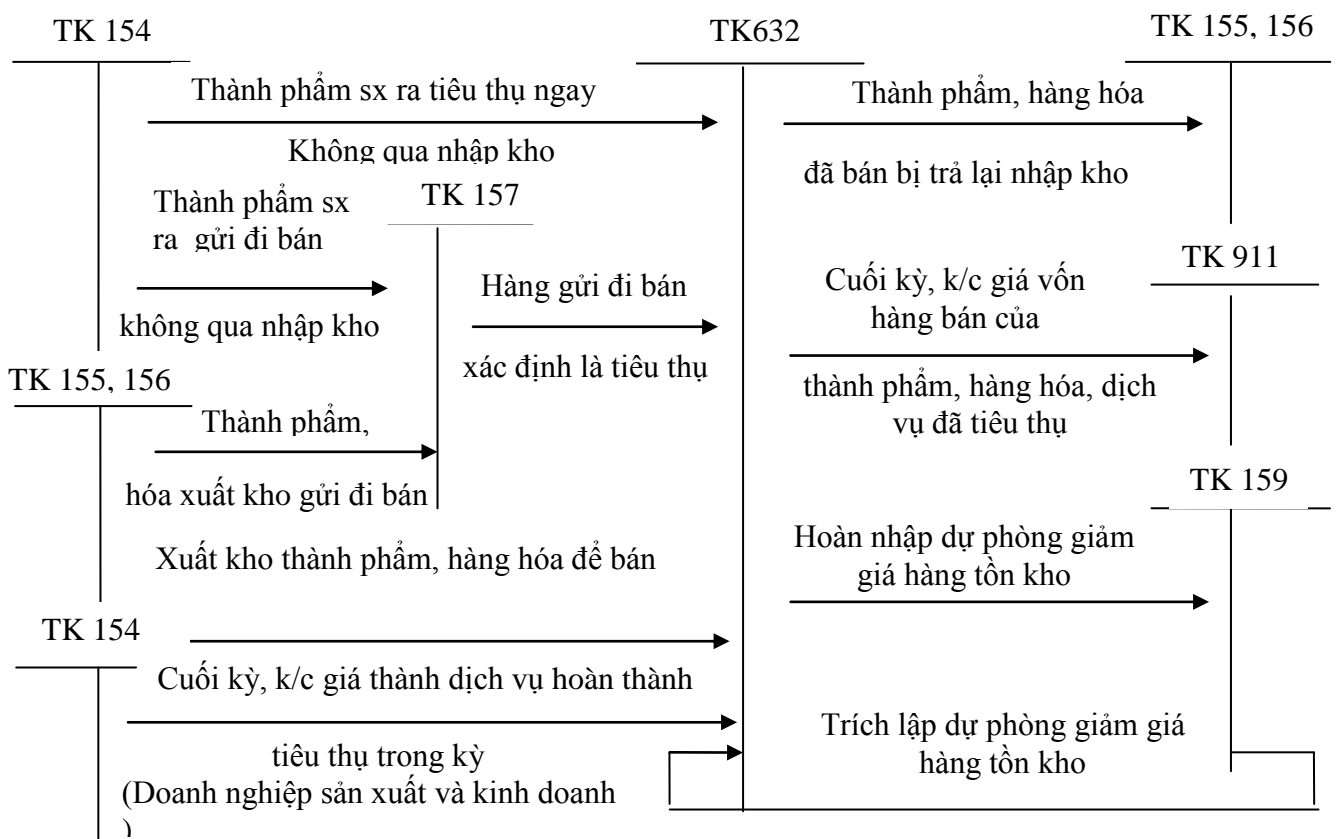
\* Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng thêm:

- **TK 631 – “Giá thành sản xuất”.**
- **TK 611 – “Mua hàng”.**

**1.2.2.4. Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát theo sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3:

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán giá vốn hàng bán ( theo phương pháp KKTX)**



**Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán ( theo phương pháp KKĐK)**



### 1.2.3 - Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

#### 1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ, dụng cụ.
- Hoá đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu chi.
- Chứng từ khác có liên quan.

#### 1.2.3.2 Tài khoản sử dụng:

##### \* Tài khoản 642” Chi phí quản lý kinh doanh”

Kết cấu :

##### ✚ Bên nợ :

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

##### ✚ Bên có :

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh và tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

##### ✚ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2 :

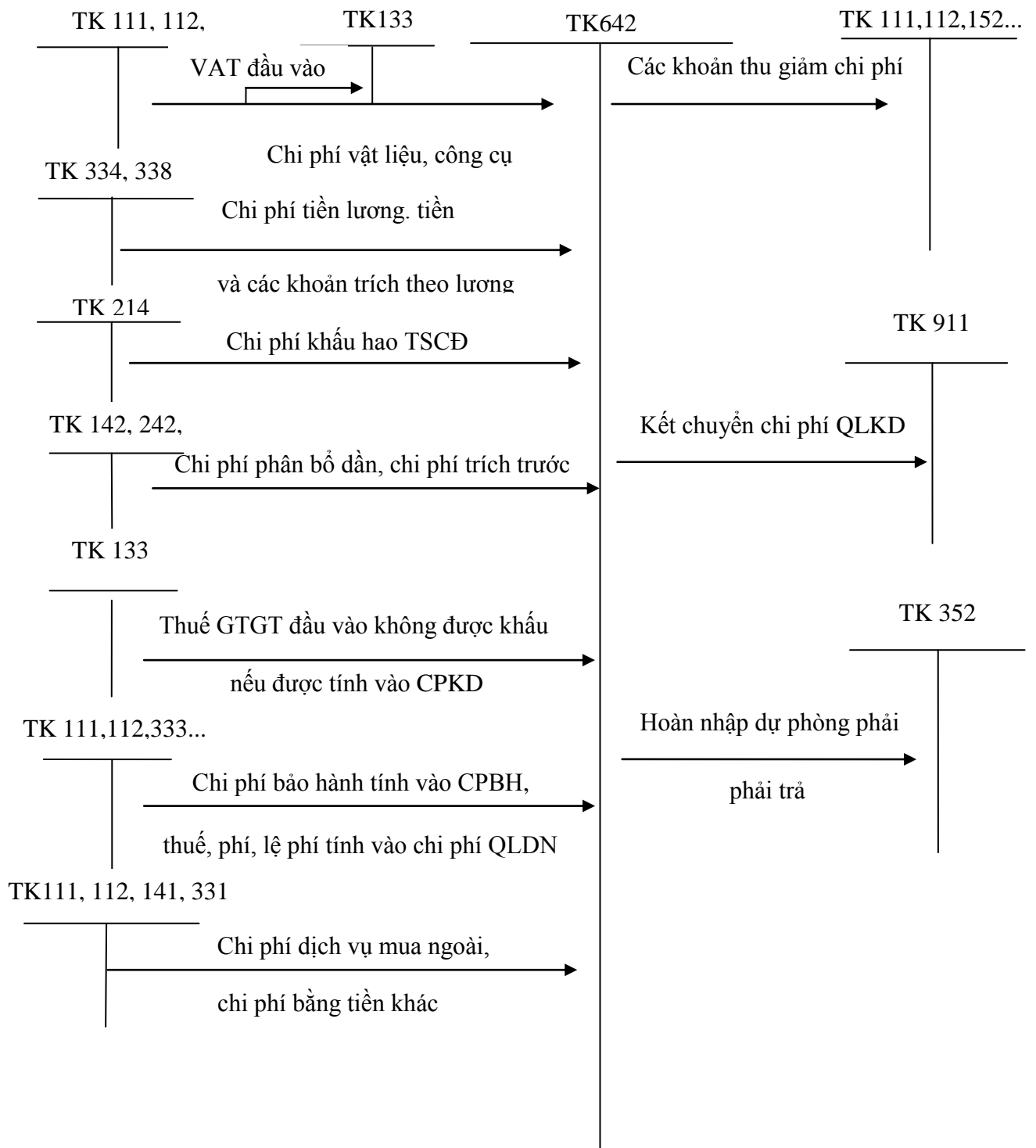
- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.2.3.3: Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát theo sơ đồ 1.4:



**Sơ đồ 1.4 : Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**



### **1.2.4 - Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.**

#### **1.2.4.1: Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các khế ước đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các giấy tờ khác liên quan.

#### **1.2.4.2: Tài khoản sử dụng:**

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

\* *Kết cấu của tài khoản 515:*

##### **Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

##### **Bên có:**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*

\* *Kết cấu của tài khoản 635:*

##### **Bên nợ:**

- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí chuyển nhượng đất, ... được xác định là tiêu thụ.

##### **Bên có:**

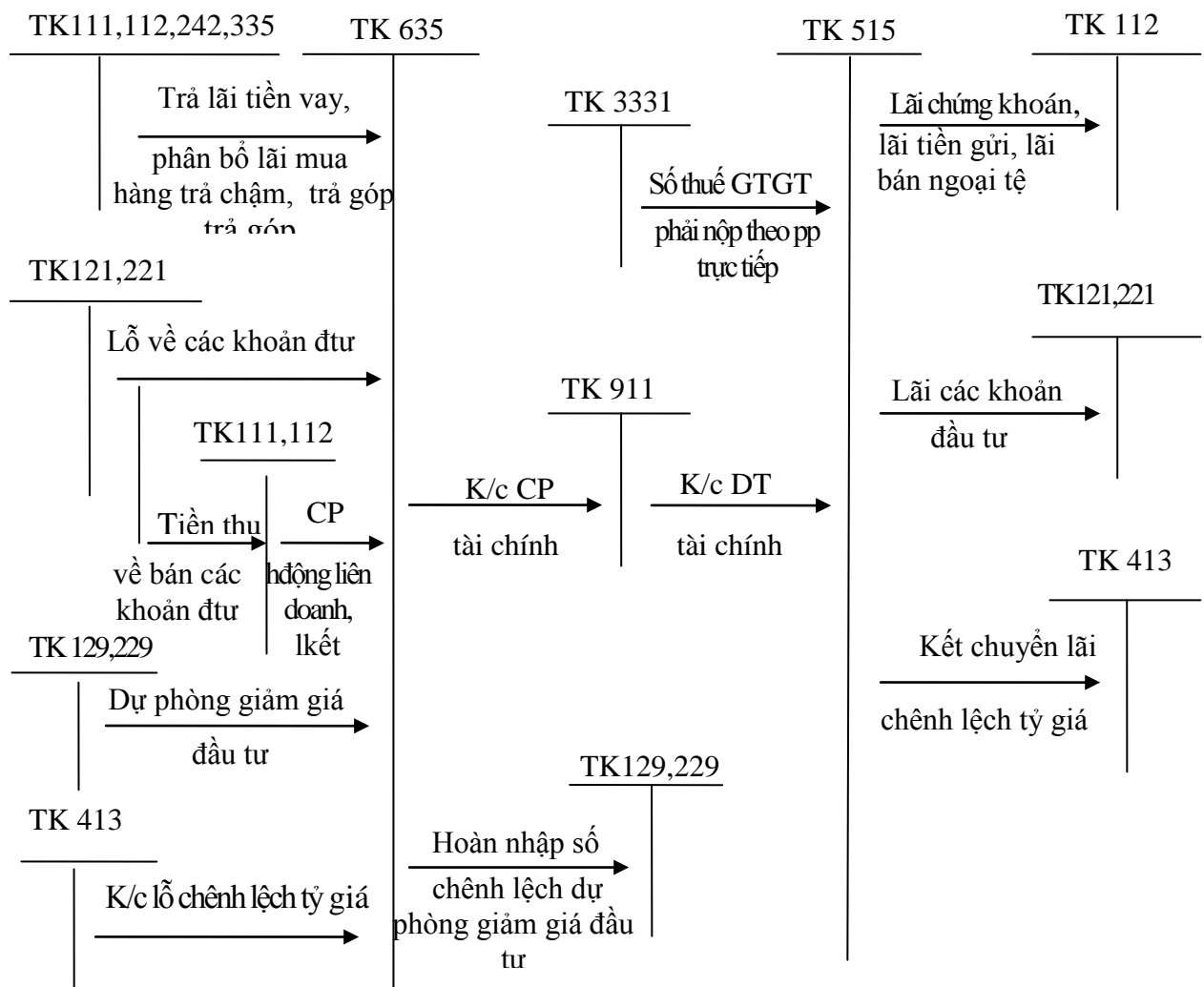
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

*Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.*

#### **1.2.4.3: Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát theo sơ đồ 1.5

**Sơ đồ 1.5: Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính:**



### **1.2.5. Kế toán thu nhập hoạt động khác, chi phí hoạt động khác**

#### **1.2.5.1: Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo có của ngân hàng, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Biên bản thanh lý tài sản cố định.
- Các chứng từ có liên quan

#### **1.2.5.2: Tài khoản kế toán sử dụng:**

##### **❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

##### **✚ Bên nợ :**

- Số thuế GTGT phải nộp ( nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

##### **✚ Bên có :**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

##### **✚ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ**

##### **❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

##### **✚ Bên nợ :**

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

##### **✚ Bên có :**

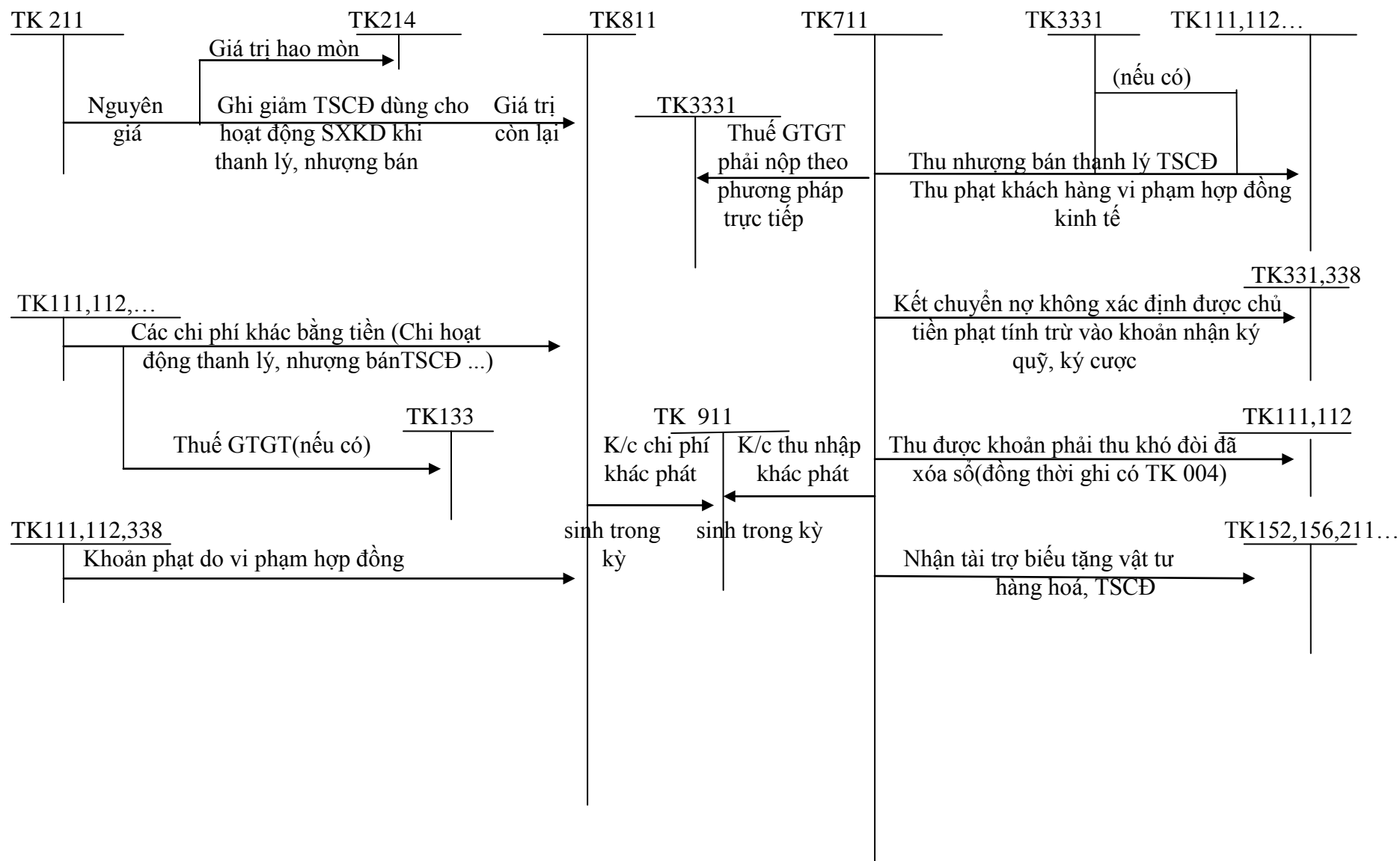
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.

##### **✚ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.**

#### **1.2.5.3: Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động khác, chi phí hoạt động khác được khái quát theo sơ đồ 1.6

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



### 1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.6.1 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.

#### 1.2.6.2 Tài khoản kế toán sử dụng

##### ❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

##### ✚ Bên nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi

##### ✚ Bên có :

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

##### ✚ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

##### ❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

##### ✚ Bên nợ :

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

##### ✚ Bên có :

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ **Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.**

❖ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

✚ **Bên nợ :**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✚ **Bên có :**

- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

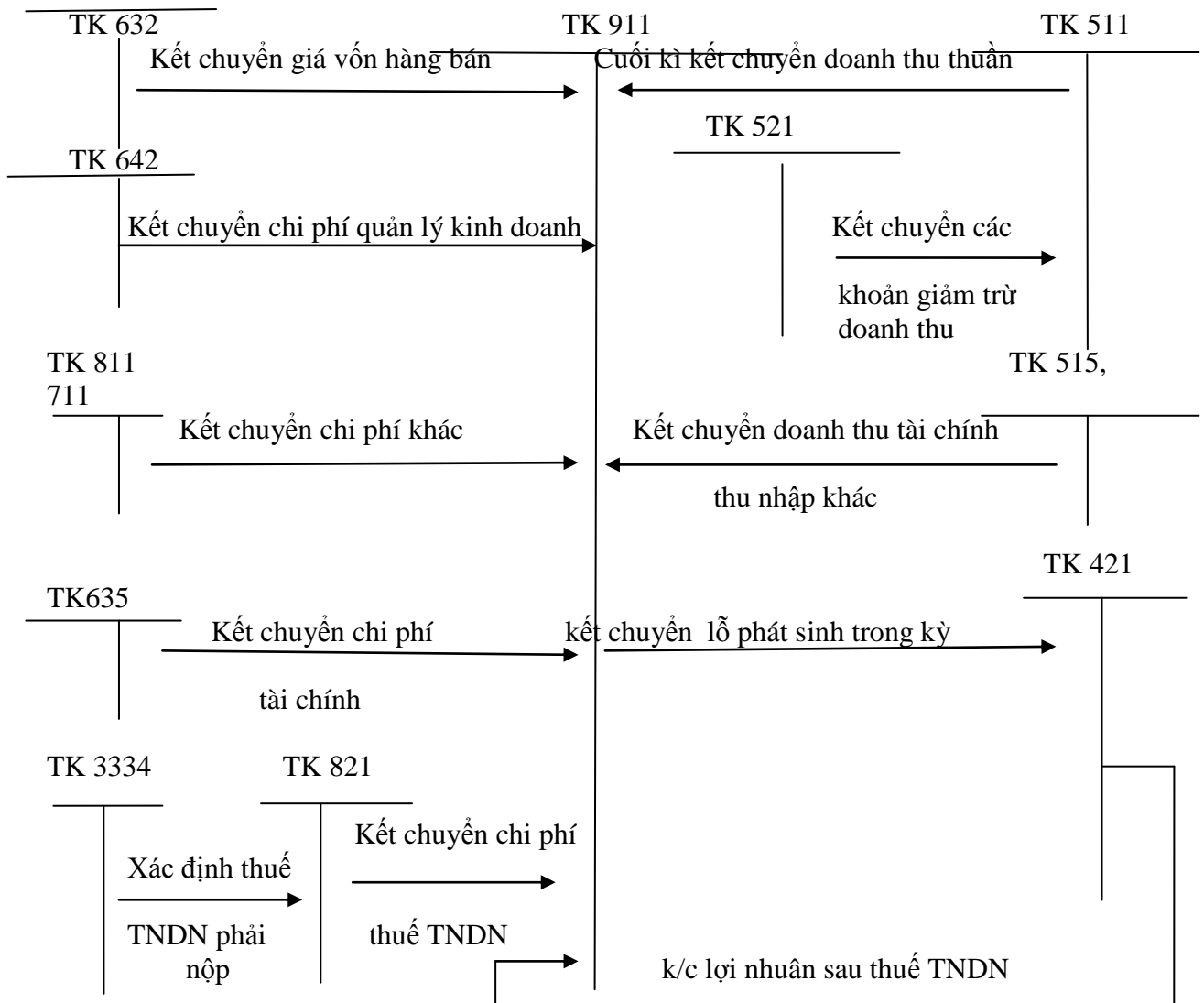
✚ **Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2 :**

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

*1.2.6.3: Phương pháp hạch toán.*

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát theo sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh



### 1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN

Doanh nghiệp được áp dụng một trong 5 hình thức kế toán sau:

Hình thức kế toán nhật ký chung

Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

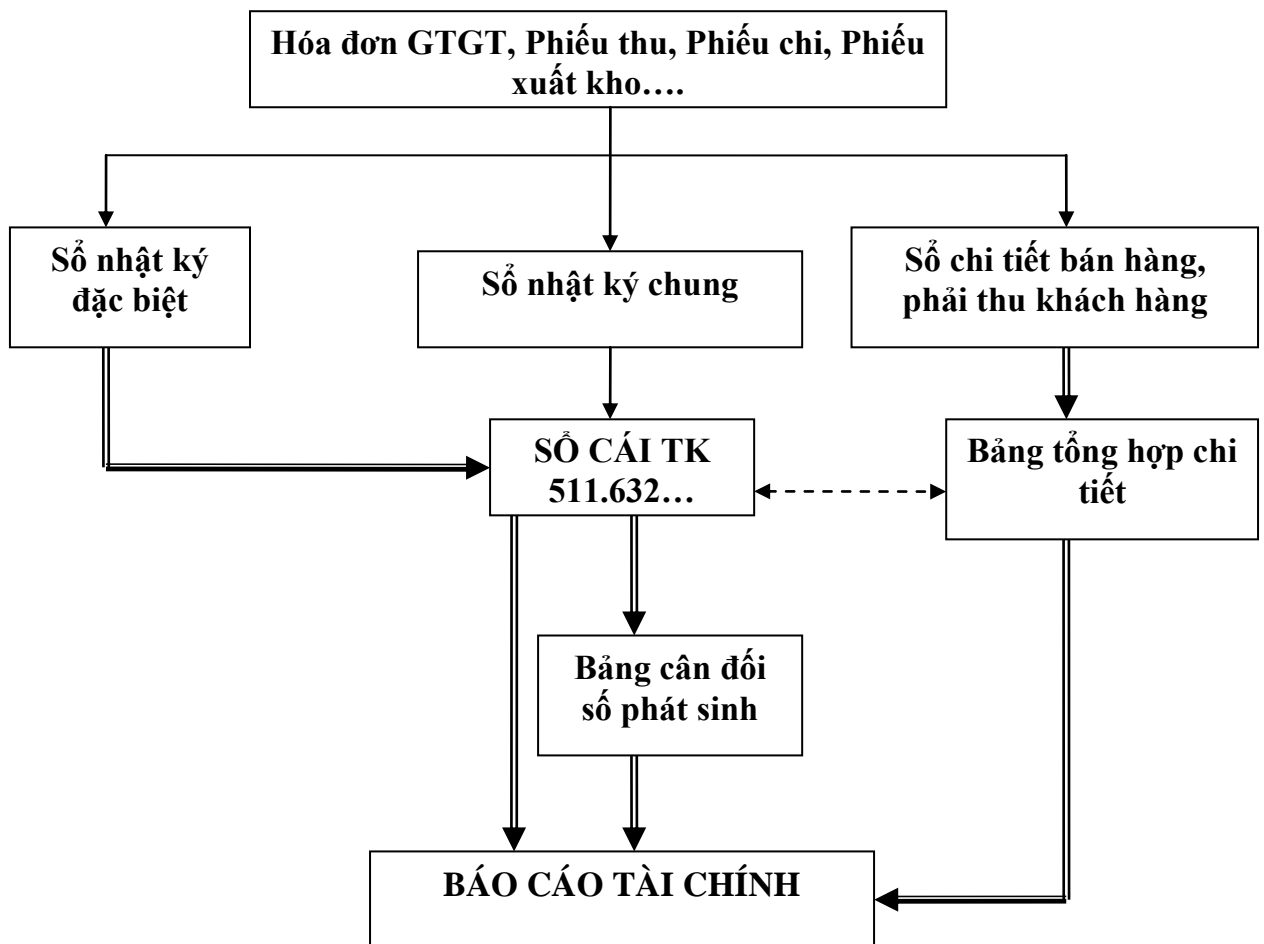
Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ

Hình thức kế toán trên máy vi tính

Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

#### 1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



**Ghi chú:**   
 —————> Ghi hàng ngày  
 =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ  
 <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8: Hình thức kế toán Nhật Ký Chung

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

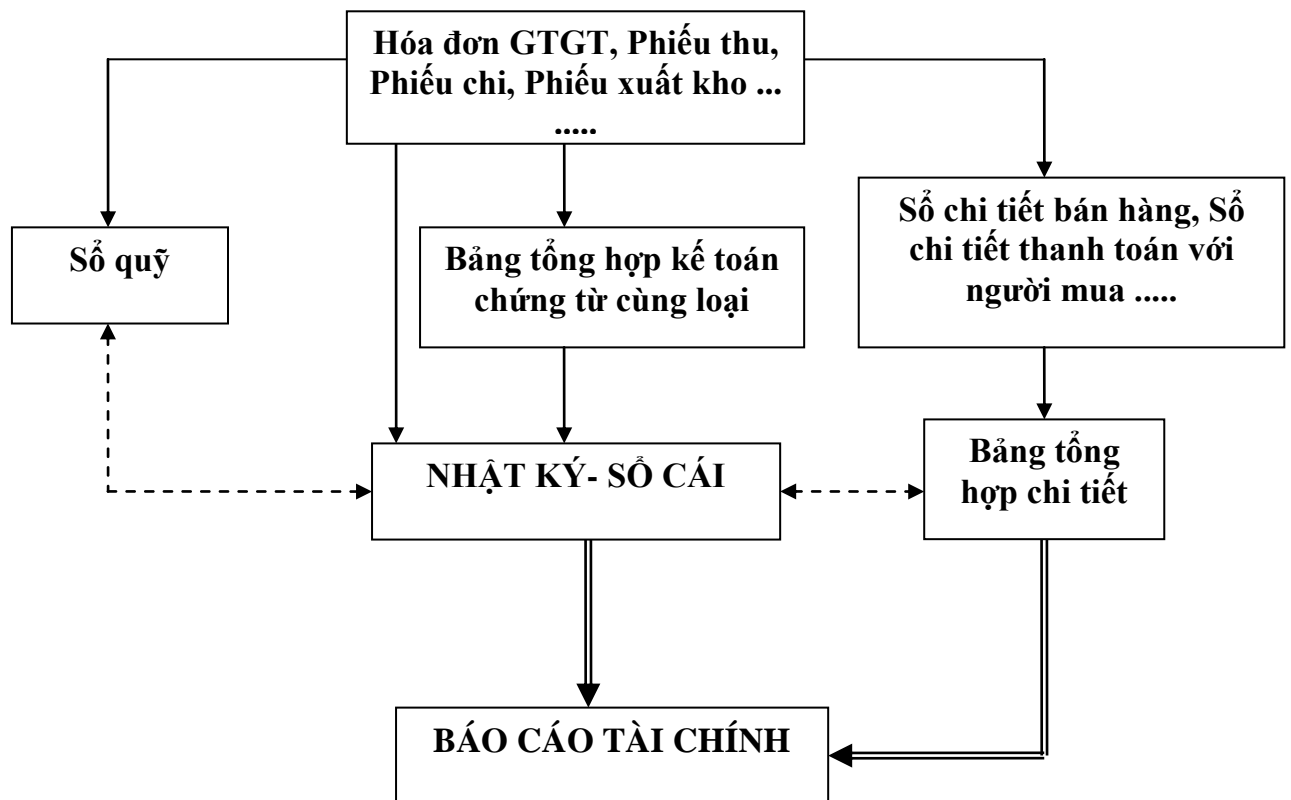
Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

**1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký- sổ cái*****Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái***

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký

- Sổ cái gồm các loại sổ chủ yếu sau:
- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



**Ghi chú :**

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký sổ cái**

### 1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

**Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

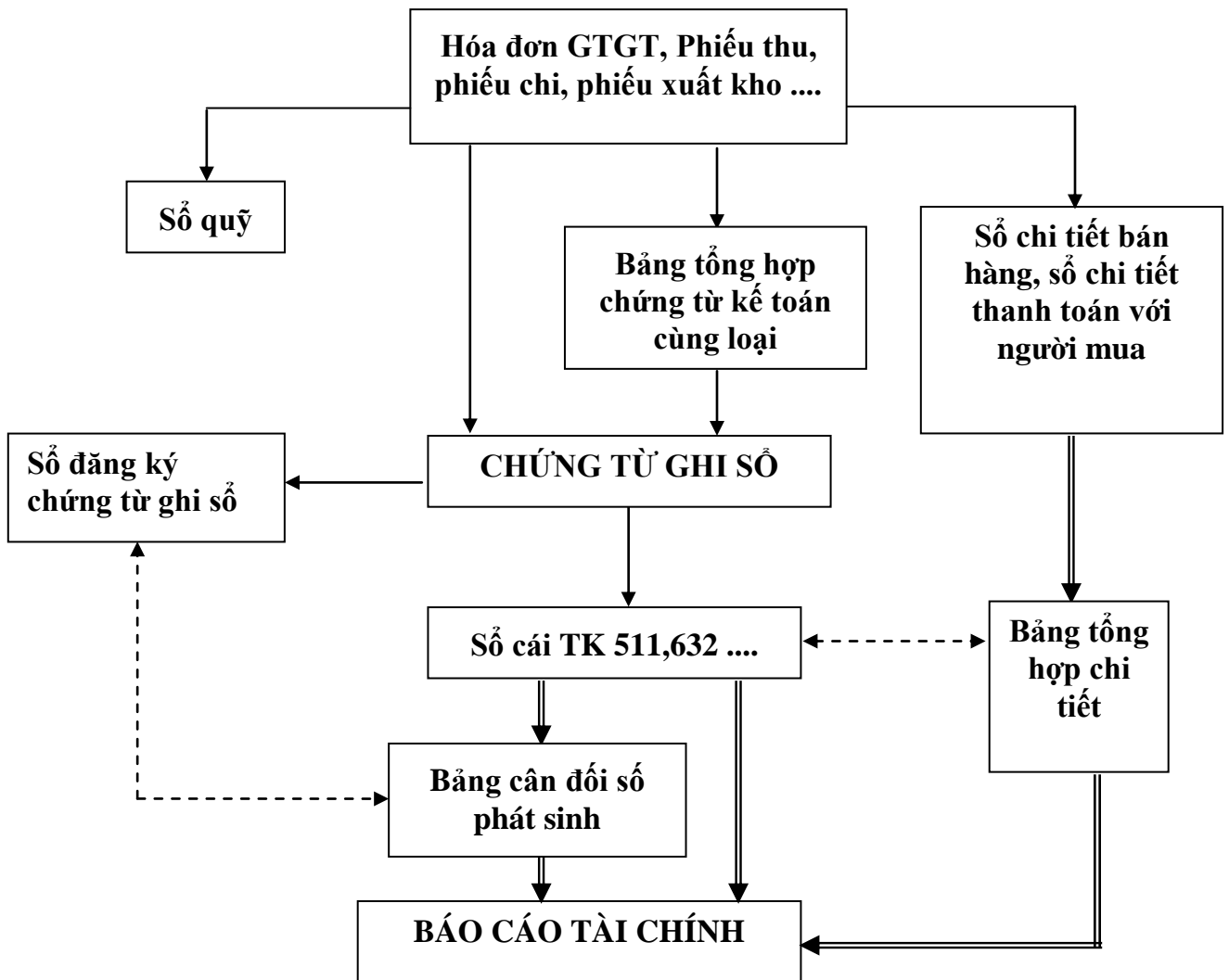
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

**Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:**

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

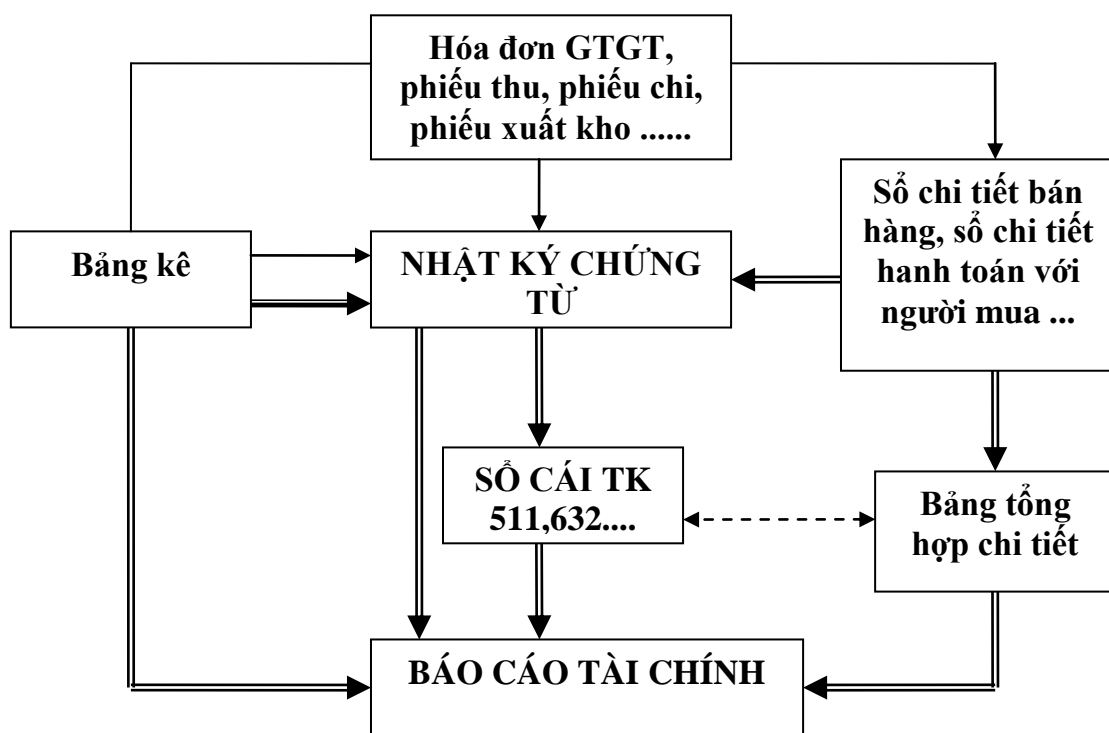
**Sơ đồ 1.10: Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

**1.3.4 Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ**

**Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)**

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

**Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ**



**Ghi chú :**

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.11: Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ**

### 1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

#### Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

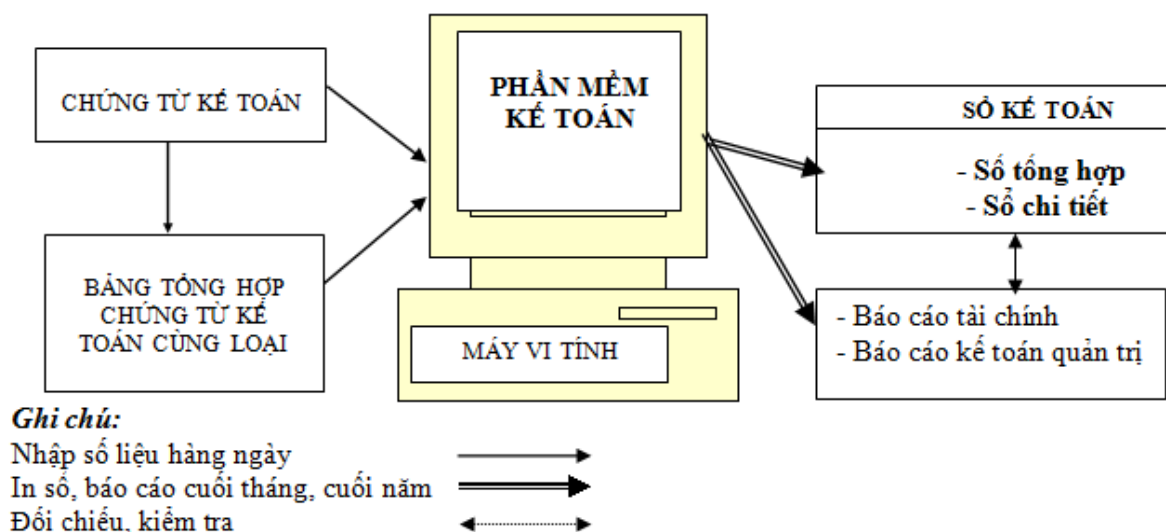
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

#### Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

#### Sơ đồ 1.12:

#### TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



## CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH HẢI

### 2.1. Khái quát chung về Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.

- Tên công ty : Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Minh Hải
- Tên công ty viết bằng nước ngoài: MINH HẢI TRADING AND INVESTMENT LIMITED COMPANY.
- Tên viết tắt công ty: MINH HAI TRADICO
- + Thành lập ngày : 24-03-2010
- + Địa chỉ : Số 58 đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng.
- + Số điện thoại : 0313293259
- + Vốn điều lệ : 1.000.000.000 đồng.
- + Mã số thuế : 0201046773
- + Đăng ký kinh doanh số do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải phòng cấp ngày 24/03/2010

- Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Minh Hải được thành lập ngày 24-03-2010 theo giấy phép kinh doanh số 0201046773 ngày 24-03-2010 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty được hình thành từ vốn góp của một thành viên và vốn vay ngân hàng nên khó khăn về tài chính trong kinh doanh luôn là áp lực mạnh của công ty. Trụ sở chính của công ty: số 58 đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng. Để tồn tại và phát triển lâu dài trong nền kinh tế thị trường đầy biến động và khó khăn, công ty rất chú trọng đến công tác cải tiến, nâng cao chất lượng sửa chữa và luôn luôn tìm tòi ra những phương án sửa chữa tốt nhất cho người tiêu dùng bên cạnh đó công ty cũng tập trung vào công tác thị trường đó là cung cấp cho khách hàng những mặt hàng như linh kiện máy tính, máy in, thiết bị văn phòng, camera... chính hãng phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của tất cả mọi người tiêu dùng. Tuy mới thành lập chưa lâu và công ty gặp không ít khó khăn về nhân sự và tài chính cộng thêm đã có nhiều đối thủ cạnh tranh đáng gờm đã có từ trước như CPN,

Hoàng Cường...Nhưng bước đầu công ty đã được khách hàng đánh giá cao và tạo được niềm tin cho nhiều khách hàng. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường đã và đang nâng cao chất lượng phục vụ, mang đến cho khách hàng những thiết bị tốt mà giá cả hấp dẫn...có thể cạnh tranh với những đối thủ lớn của mình.

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ mua bán, tổ chức mạng lưới bán buôn, bán lẻ hàng hóa cho các cơ sở kinh doanh, cá đơn vị khác và cá cá nhân. Công tác bảo quản và lưu thông hàng hóa đã được công ty thực hiện thường xuyên và liên tục ổn định trên thị trường.

Công tác quản lý và khai thác sử dụng vốn có hiệu quả, đảm bảo đầu tư mở rộng kinh doanh của công ty.

-Công ty luôn thực hiện tốt nghĩa vụ về thuế và các khoản phải nộp ngân sách, hoạt động kinh doanh theo pháp luật, đồng thời không ngừng nâng cao đời sống của công nhân viên trong toàn công ty.

-Trước đây do mức sống của người dân còn thấp nên các sản phẩm về điện tử, tin học, mạng internet... được xem như hàng xa xỉ, ít được người dân để ý tới, không được bán rộng rãi trên thị trường hoặc nếu có thì chỉ tập trung ở các thành phố lớn đời sống, mức thu nhập cao hơn. Cho nên bán máy tính, máy in, thiết bị văn phòng... không trở thành kinh doanh sinh lãi được.

-Sau khi Đảng và Nhà nước đề ra các chính sách kinh tế mới thúc đẩy nền kinh tế công nghiệp hóa hiện đại hóa. Đặc biệt sau khi nước ta gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, nền kinh tế nước ta thay đổi một cách nhanh chóng và rõ rệt.Nhất là về lĩnh vực tin học, điện tử, internet...Chúng ta cần phải nắm bắt thông tin nhanh chóng, đầy đủ, chính xác... Điều đó tạo điều kiện để công ty tổ chức hoạt động kinh doanh một cách chủ động và linh hoạt trước những thay đổi, thị hiếu của thị trường.

- Hiện nay công ty đang đầu tư các linh kiện, hàng hóa chất lượng, và đào tạo công nhân có tay nghề cao để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Minh Hải được thành lập từ một cơ sở ban đầu chuyên sửa chữa, lắp đặt, và cung cấp bảo hành máy tính, máy in, thiết bị văn phòng, hệ thống mạng văn phòng, internet, thiết bị an ninh chống trộm, đồ mực máy in...với những kinh nghiệm và uy tín của mình Minh Hải đã được tin cậy là nhà cung cấp sản phẩm, sửa chữa cho nhiều khách hàng lớn như các công ty, xí nghiệp cũng như người dân.



### **2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải kinh doanh mặt hàng như: linh kiện máy tính, máy in, thiết bị văn phòng, camera...

Căn cứ vào nhu cầu thị trường tại Hải Phòng công ty tiến hành nhập và mua thiết bị điện tử và phụ kiện cần thiết phục vụ cho các đại lý, khách hàng có nhu cầu. Công ty được tự quyết định giá bán bấp và phụ kiện trên nguyên tắc đảm bảo vốn kinh doanh và có lãi.

Qua hơn 4 năm phát triển và trưởng thành, Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải đã và đang khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách để có thể tạo cho mình một chỗ đứng trên thị trường, góp phần tích cực vào công cuộc CNH- HĐH đất nước. Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải là doanh nghiệp hoạt động theo luật của nhà nước, thực hiện theo các quy định của pháp luật, điều lệ chức của nhà nước.

Hoạt động kinh doanh máy tính là hoạt động chủ yếu của Công ty. Doanh thu và lợi nhuận hàng năm không những đảm thu nhập ổn định cho công nhân viên, mà còn đầu tư vào trang thiết bị và mua sắm TSCĐ mới.

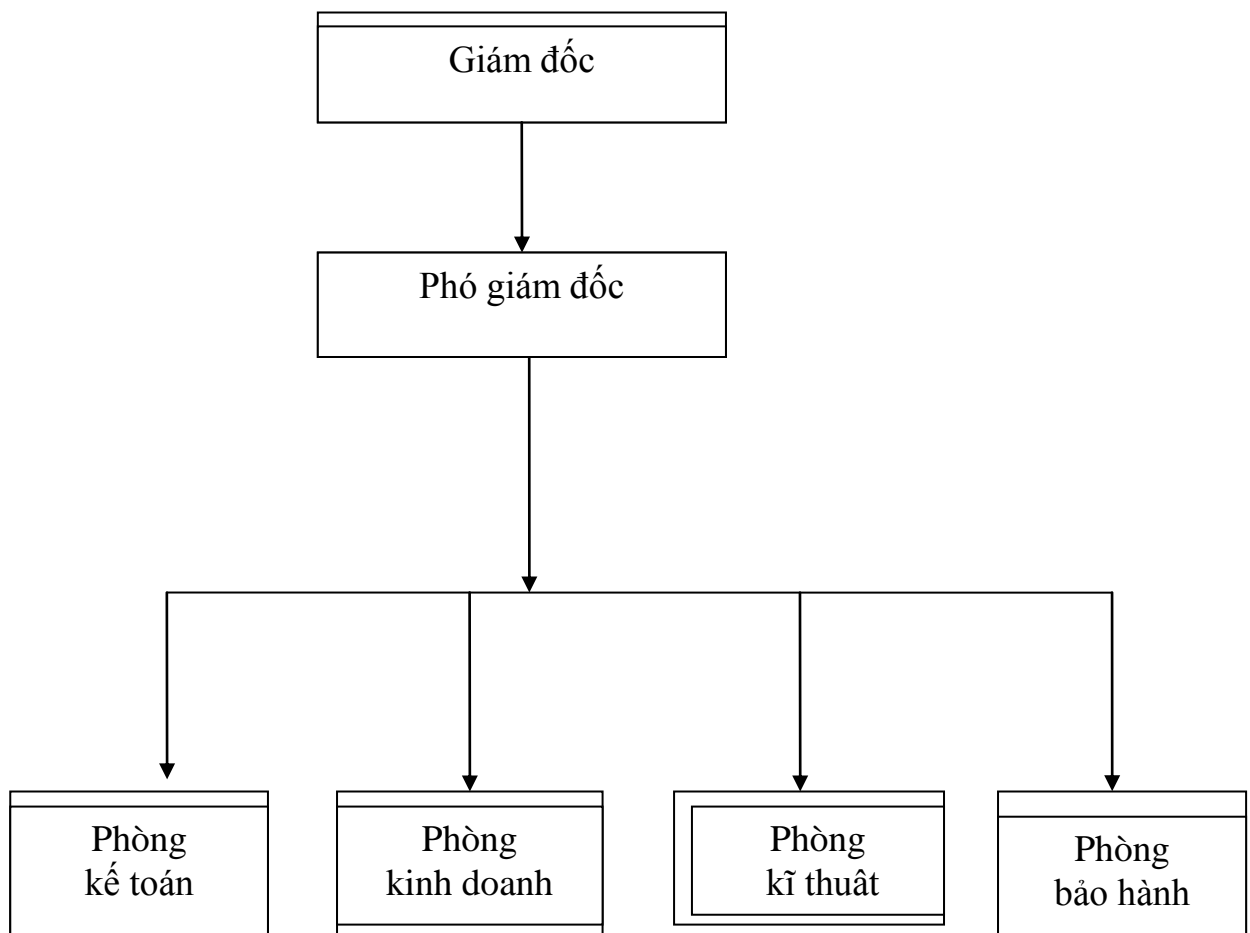
Công ty khẳng định phương châm hành động đúng đắn để công ty tồn tại và phát triển là giữ uy tín bằng chất lượng hàng hóa và giá cả hợp lý. Vì vậy trong những năm qua công ty đã cố gắng thực hiện tốt phương châm này.

### **2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý**

Bất kỳ công ty nào cũng có bộ máy quản lý dù là đơn giản nhất. Bộ máy quản lý công ty giúp cho từ thủ trưởng đến nhân viên làm việc có quy tắc, tạo phong cách làm việc có trình tự tổ chức nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, nghĩa là các phòng ban có liên hệ chặt chẽ với nhau và cùng chịu sự quản lý của ban giám đốc bao gồm Giám đốc và Phó Giám Đốc. Cơ cấu tổ chức tương đối gọn nhẹ và hợp lý.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải được khái quát qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty**

**\* Trách nhiệm chức năng của từng người**

Công ty TNHH Đầu tư và thương mại Minh Hải tổ chức :

**A, Giám đốc**

+ **Giám đốc công ty** : Chịu trách nhiệm quản lí và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty với tư cách là thủ trưởng đơn vị và là người chịu trách nhiệm trước nhà nước và toàn công ty về mọi hoạt động của công ty.

Giám đốc điều hành mọi công việc của công ty và ủy quyền cho phó giám đốc với vai trò tham mưu theo ngành và quản lí theo tuyến của các phòng nghiệp vụ. Giám đốc là người đứng đầu, có quyền quyết định bộ máy điều hành, phụ trách chung cho mọi hoạt động của công ty và phụ trách tổ chức công tác lao động, tiền lương, công tác tiêu thụ, tài chính kế toán thống kê..., và những vấn đề khác của công ty ngoại trừ những vấn đề không thuộc thẩm quyền.

**B, Phó Giám Đốc**

Chịu trách nhiệm tham mưu cho giám đốc về mọi hoạt động của công ty, có thể được giám đốc ủy quyền một số việc

**C, Phòng kinh doanh**

Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kinh doanh, đáp ứng nhu cầu hoạt động của công ty, giải quyết và tập hợp các thủ tục cần thiết cho các nghiệp vụ mua hàng, bán hàng và tìm tòi nguồn hàng cũng như các mối tiêu thụ hàng. Phối hợp với phòng kế toán để xác lập tình hình công nợ theo các hợp đồng kinh tế và việc thu nợ.

**D, Phòng Kế Toán**

Chịu trách nhiệm ghi chép tính toán và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ, trung thực các số liệu về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong kì kinh doanh, phải lập các bản thanh quyết toán công khai toàn bộ tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí, và kết quả kinh doanh trong kì. Có chức năng tham mưu cho giám đốc về mặt thống kê và tài chính, chịu trách nhiệm quản lí tài sản, vật chất, hạch toán kinh tế theo quy định của nhà nước, quy chế của công ty.

Đề xuất lên giám đốc phương án tổ chức kế toán, đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo tình hình hoạt động tài chính để kịp thời điều chỉnh quá trình kinh doanh của công ty.

Ngoài ra còn có nhiệm vụ khai thác nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phân phối thu nhập và thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

**E, Phòng kỹ thuật**

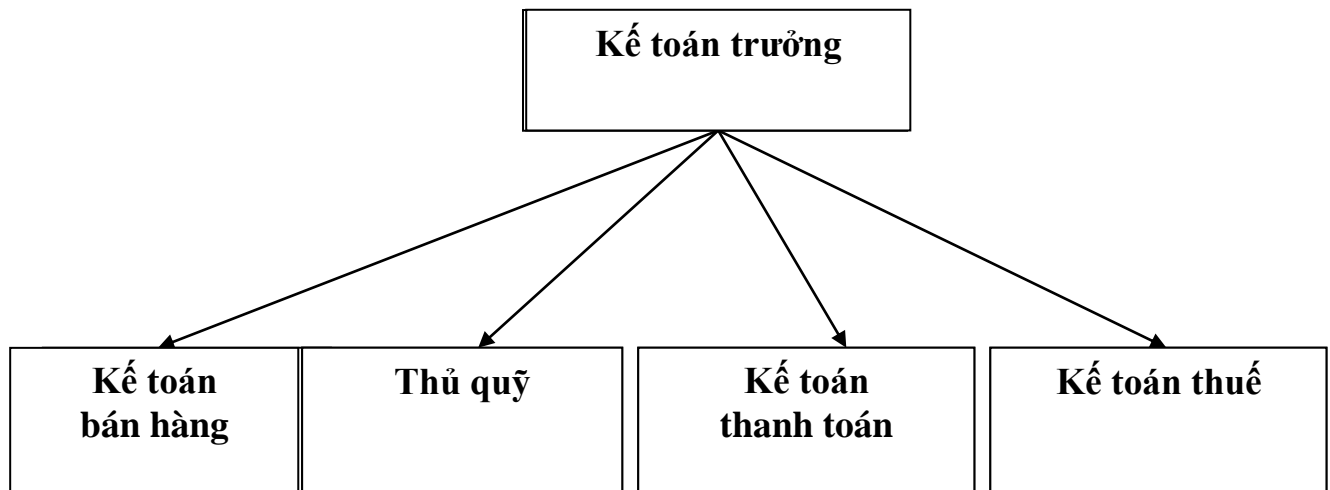
Chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, có trách nhiệm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập về cũng như giao cho khách hàng.

**F, Phòng bảo hành**

Chịu trách nhiệm theo dõi lượng hàng phải đảm bảo cho khách hàng cũng như số lượng hàng phải bảo hành cho khách hàng.

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty**

Cũng giống như tổ chức bộ máy quản lý, cơ cấu kế toán của Công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ. Bộ máy kế toán gồm 5 người, mỗi người có một chức năng, nhiệm vụ khác nhau được tổ chức theo sơ đồ sau :



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

- **Kế toán trưởng** : Là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình Giám đốc, đồng thời phải duyệt quyết toán quý, năm theo đúng chế độ; tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý quá trình sản xuất. Kế toán trưởng đồng thời phụ trách kế toán tiêu thụ và tính toán kết quả kinh doanh.
- **Thủ quỹ** : Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt, quản lý quỹ của Công ty.
- **Kế toán thanh toán** : Là người chịu trách nhiệm trong việc theo dõi các khoản nợ của Công ty cũng như các khoản nợ của khách hàng với Công ty. Theo dõi chi tiết từng khoản nợ với từng khách hàng và nhà cung cấp.
- **Kế toán bán hàng** : Thực hiện các nghiệp vụ bán hàng đồng thời ghi nhận doanh thu.
- **Kế toán thuế** : Hàng tháng lập kê khai thuế GTGT đầu ra, đầu vào, theo dõi tình hình nộp ngân sách Nhà nước, lập kế hoạch và quyết toán thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền nộp sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

#### 2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2.1.4.3 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán.

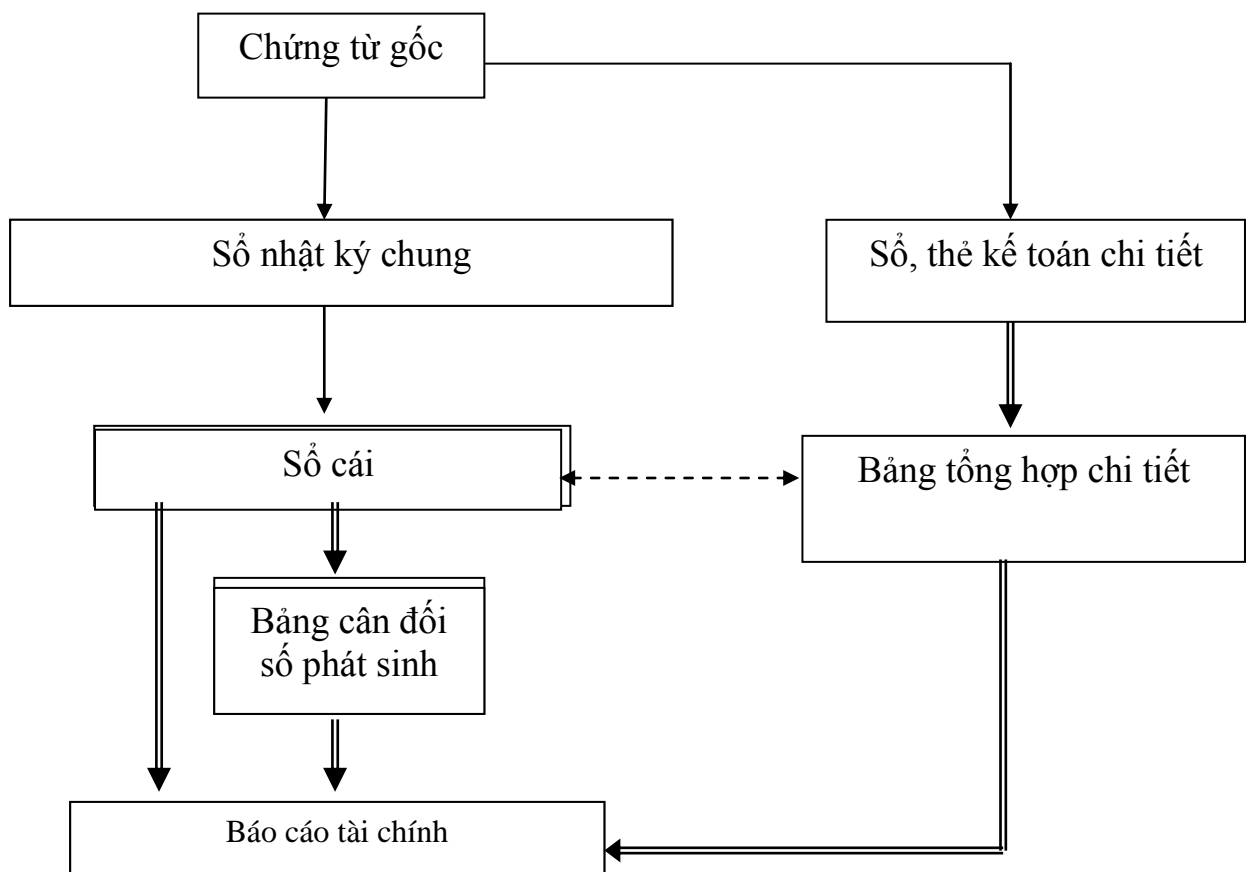
Công tác kế toán tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải được thực hiện phần lớn trên máy vi tính nhưng không áp dụng phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên Word và Exel.

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch

toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “**Nhật ký chung**”. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng Cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo Cáo Tài Chính.

trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung của Công ty được khái quát theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Quan hệ đối chiếu



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán**

1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được. Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản phù hợp. Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết.

- Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối tài khoản, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được lập từ các Sổ chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung trong kỳ.

#### *2.1.4.4. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính.*

Công ty đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ Tài Chính ban hành, kỳ lập báo cáo là năm. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế, ...

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.**

#### *2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty.*

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải chuyên cung cấp các loại hàng hoá điện tử. Vì vậy doanh thu bán hàng tại Công ty là doanh thu từ việc bán các mặt hàng điện tử như:

- Máy tính, máy in.
- Camera
- Và các linh kiện kèm theo.

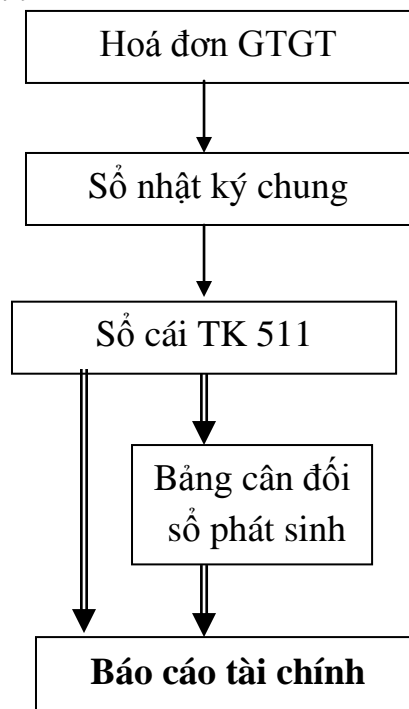
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Hợp đồng mua hàng.
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, ...
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng:

- TK 511- “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
- Các TK khác liên quan: TK 111,112,331

2.2.1.4 Quy trình hạch toán



**Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán doanh thu tại công ty**

Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung. Từ nhật ký chung kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu. Cuối kỳ kế toán cộng số liệu trên sổ cái và sổ tổng hợp để lập bảng cân đối phát sinh, báo cáo tài chính

*2.2.1.5. Ví dụ minh họa*❖ **Ví dụ 2.1:**

Ngày 15/12/2013, xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH đầu tư và TM Thanh Sơn tổng giá thanh toán 19.809.300(thuế GTGT 10%). Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ 111 : 19.809.300

Có 511 : 18.063.000

Có 3331: 1.806.300

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000135( Biểu 2.1) và phiếu thu số 670( Biểu số 2.2) kế toán ghi phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào sổ nhật ký chung( Biểu 2.3), từ đó ghi vào sổ cái TK 511( Biểu 2.5)

❖ **Ví dụ 2.2:**

Ngày 16/12/2013, xuất kho hàng hóa bán cho công ty CPTM Hải Đà tổng giá thanh toán 551.216.000 (thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán định khoản:

Nợ 131 : 551.216.000

Có 511 : 501.106.000

Có 3331: 50.110.600

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000141( Biểu 2.4), kế toán ghi bút toán phản ánh doanh thu của NV trên vào sổ nhật ký chung( Biểu 2.3), từ đó ghi vào sổ cái TK 511( Biểu 2.5).



Biểu số 2.1. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000135

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01GTKT 3/001</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu AA/13P		
Liên 3 : Nội bộ			Số :0000135		
<i>Ngày 15 tháng 12 năm 2013</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty đầu tư và thương mại Minh Hải					
Địa chỉ : Đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng					
Mã số thuế : 0201046773					
Địa chỉ: 58 đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng					
ĐT: 0313.293.259					
Tên người mua hàng : Lê Thị Tươi					
Đơn vị : Công ty TNHH Đầu Tư và thương mại Thanh Sơn					
Mã số thuế : 0200656415					
Địa chỉ: Hợp Thành, Thủy Nguyên, Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán :			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Chuột quang HP 3.6	Cái	13	1.305.000	16.965.000
2	Chuột bi 1+	Cái	6	63.000	378.000
3	Chuột quang Logitech LX 822	Cái	12	60.000	720.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>18.063.000</b>
Thuế suất GTGT :10%			Tiền thuế GTGT:		1.806.300
<b>Tổng cộng tiền hàng</b>					<b>19.809.300</b>
<i>Số tiền viết bằng chữ : mười chín triệu tám trăm linh chín nghìn ba trăm đồng chẵn</i>					

**Người bán hàng**  
(đã ký)

**Người mua hàng**  
(đã ký)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(đã ký)

Biểu 2.2: Phiếu thu số 670

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải  
Số 58, Đường 351, Thị trấn An Dương, An  
Dương, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT  
Theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Số : 670

Nợ: 111

Có: 511

Có: 3331

Họ và tên người nộp tiền: Lê Thị Tươi

Địa chỉ: Hợp Thành, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng

Số tiền: 19.869.300 VNĐ

(Viết bằng chữ): Mười chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc:

Đã nhận đủ tiền: 19.869.300 VNĐ

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị    KT trưởng    Người lập phiếu    Thủ quỹ    Người nộp tiền

Biểu số 2.4. Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000141

<b>HOÁ ĐƠN</b>			<b>Mẫu số: 01GTKT 3/001</b>		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu AA/13P		
Liên 3 : Nội bộ			Số :0000141		
<i>Ngày 16 tháng 12 năm 2013</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty đầu tư và thương mại Minh Hải					
Địa chỉ : Đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng					
Mã số thuế : 0201046773					
Địa chỉ: 58 đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng					
ĐT: 0313.293.259					
Tên người mua hàng : Phạm Xuân Trường					
Đơn vị : Công ty CP TM Hải Đà					
Mã số thuế : 0200567942					
Địa chỉ: Đông Hải, Hải An, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán :			Số tài khoản:		
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
1	Bàn phím 1 Forint 18	Cái	95	970.000	92.150.000
2	Bàn phím 1 18	Cái	16	1.400.000	22.400.000
3	Bàn phím 1 Forint 181	Cái	76	1.070.000	81.776.000
4	Chuột quang mitsumi	Cái	700	254.000	171.500.000
5	Bàn phím Tosiba	Cái	112	1.190.000	133.280.000
Cộng tiền hàng:					501.106.000
Thuế suất GTGT :10%		Tiền thuế GTGT:			50.101.600
Tổng cộng tiền hàng					551.216.600
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm năm một triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng chẵn.</i>					

**Người bán hàng**  
(đã ký)

**Người mua hàng**  
(đã ký)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(đã ký)

**Biểu số 2.3: Sổ nhật ký chung**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2013**

Đơn vị tính: VNĐ

	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			SPS trong Quý 4			
			.....			
15/12/13	PX402, HD000135	15/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn	632	17.962.000	
				156		17.962.000
				<b>111</b>	<b>19.809.300</b>	
				<b>511</b>		<b>18.063.000</b>
				<b>3331</b>		<b>1.806.000</b>
			.....			
16/12/13	PX408, HD0000141	16/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty CPTM Hải Đà	632	495.104.000	
				156		495.104.000
				<b>131</b>	<b>551.216.600</b>	
				<b>511</b>		<b>501.106.000</b>
				<b>3331</b>		<b>50.110.600</b>
18/12/13	HĐ925362, PC408	18/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642	2.415.040	
				133	241.504	
				111		2.656.544
18/12/13	HĐ008996, PC409	18/12/13	Thanh toán tiền mua hàng	156	12.029.500	
				133	1.202.950	
				111		13.232.450
			Cộng		70.090.351.741	70.090.351.741

**Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Năm 2013**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Số hiệu: 511**

*Đơn vị tính : VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			.....			
			Số phát sinh trong quý 4			
			.....			
<b>15/12/13</b>	<b>HĐ000 0135</b>	<b>15/12/13</b>	<b>Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn</b>	<b>111</b>		<b>18.063.000</b>
			.....			
<b>16/12/13</b>	<b>HĐ000 0141</b>	<b>16/12/13</b>	<b>Xuất kho hàng hoá bán cho công ty CPTM Hải Đà</b>	<b>131</b>		<b>501.106.000</b>
24/12/13	HĐ000 0151	24/12/13	Xuất bán cho công ty Ngọc Việt	111		6.561.005
			.....			
31/12/13	PKT83	31/12/13	Kết chuyển DT quý 4	911	762.156.996	
			Cộng phát sinh Quý 4		762.156.996	762.156.996
			Cộng lũy kế cả năm		2.718.628.000	2.718.628.000

### 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

#### 2.2.2.1 Nội dung giá vốn hàng bán:

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá thực tế hàng xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn .

Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch đi.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng hóa xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân gia quyền}}$$

*Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hoá tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hoá thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

#### 2.2.2.2 Chứng từ sử dụng:

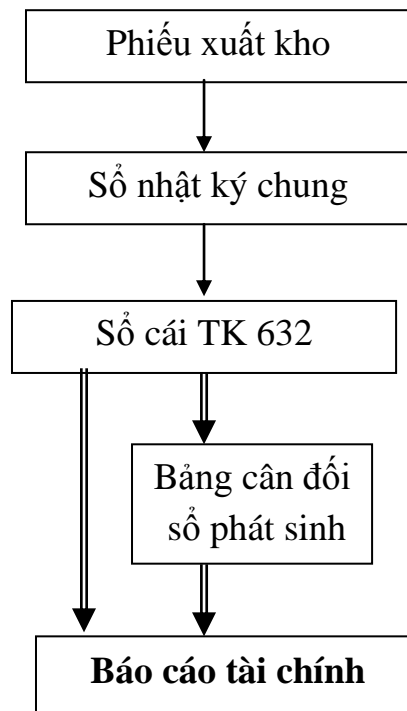
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 GTGT – 3LL)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 – VT)
- Và các chứng từ khác có liên quan

#### 2.2.2.3 Tài khoản sử dụng:

- TK 156 “Hàng hoá”.
- TK 632 “Giá vốn hàng bán”.

2.2.2.4 Quy trình hạch toán:

Quy trình hạch toán được mô tả qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung để vào sổ cái TK 632. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối sổ phát sinh và lập báo cáo tài chính.

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: ( Minh họa tiếp của ví dụ 2.1)

Ngày 15/12/2013, Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải bán hàng cho công ty TNHH đầu tư và thương mại Thanh Sơn. Giá vốn 17.962.000 VNĐ, giá bán chưa thuế GTGT 10% là 18.462.000 VNĐ.

Kế toán định khoản:

- Nợ 632 : 17.962.000
- Có 156: 17.962.000
- Nợ 111 : 19.869.300
- Có 511 : 18.063.000
- Có 3331: 1.806.300

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 402 ( Biểu 2.6) kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung ( Biểu 2.8), từ đó bút toán này được ghi vào Sổ cái TK 632( Biểu 2.9).

***Minh họa cách tính giá vốn mặt hàng chuột quang HP trong PX 402:***

Đơn giá xuất kho bình quân chuột quang HP 3.6 ngày 15/12

- Ngày 1/12 tồn 100 cái chuột quang HP 3.6, đơn giá: 1.200.000 đ/cái
- Ngày 10/12 nhập 100 cái chuột quang HP 3.6, đơn giá: 1.400.000 đ/cái
- Ngày 15/12 xuất 13 cái

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất} \\ \text{kho bình quân} \\ \text{ngày 15/12} \end{array} = \frac{100 \cdot 1.200.000 + 100 \cdot 1.400.000}{100 + 100} = 1.300.000 \text{ đ/cái}$$

Trị giá xuất chuột quang HP 3.6 ngày 15/12 = 13 \* 1.300.000 = 16.900.000

Ví dụ 2.4: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.2)

Ngày 16/12/2013, Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải bán cho Công ty CPTM Hải Đà số tiền thanh toán 551.216.000( thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ 632 : 495.104.000

Có 156: 495.104.000

Nợ 131 : 551.216.600

Có 511: 501.106.000

Có 3331: 50.110.600

Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 408 ( Biểu 2.7), kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ trên vào Sổ Nhật ký chung( Biểu 2.8), từ đó bút toán này được ghi vào Sổ cái TK 632( biểu 2.9).



Biểu 2.6:

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải  
Số 58, Đường 351, Thị trấn An Dương, An  
Dương, Hải Phòng

Mẫu số: 02- VT  
Theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 15 tháng 12 năm 2013

Số: 402

Nợ 632: 17.962.000

Có 156: 17.962.000

Họ và tên người nhận hàng: Lê Thị Tươi

Lý do xuất: Xuất bán công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn

Xuất tại kho: Hàng hoá

STT	Tên hàng hóa	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Chuột quang HP 3.6	Cái		13	1.300.000	16.900.000
02	Chuột bi 1+	Cái		6	61.000	366.000
03	Chuột quang Logitech LX 822	Cái		12	58.000	696.000
	Cộng					17.962.000

Người lập phiếu  
( Ký, họ tên)

Người nhận hàng  
( Ký, họ tên)

Thủ kho  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7:

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải  
Số 58, Đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương,  
Hải Phòng

Mẫu số: 02- VT  
Theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 16 tháng 12 năm 2013

Số 408

Nợ 632: 495.104.000

Có 156: 495.104.000

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Xuân Trường

Lý do xuất: Xuất bán công ty CPTM Hải Đà

Xuất tại kho( ngăn lô)

Địa điểm:

STT	Tên hàng hóa	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Bàn phím 1 Forint 18	Cái		95	960.000	91.675.000
02	Bàn phím 1 18	Cái		16	1.390.000	22.240.000
03	Bàn phím 1 Forint 181	Cái		76	1.060.000	80.560.000
04	Chuột quang mitsumi	Cái		700	240.590	168.413.000
05	Bàn phím Tosiba	Cái		112	1.180.500	132.216.000
	Cộng					495.104.000

Người lập phiếu  
( Ký, họ tên)

Người nhận hàng  
( Ký, họ tên)

Thủ kho  
( Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
( Ký, họ tên)

Giám đốc  
( Ký, họ tên, đóng dấu)

***Biểu số 2.8: Sổ nhật ký chung***

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2013**

Đơn vị tính: VNĐ

	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			SPS trong Quý 4			
			.....			
15/12/13	PX402, HD000135	15/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn	632	<b>17.962.000</b>	
				156		<b>17.962.000</b>
				111	19.809.300	
				511		18.063.000
				3331		1.806.000
			.....			
16/12/13	PX408, HD0000141	16/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty CPTM Hải Đà	<b>632</b>	<b>495.104.000</b>	
				<b>156</b>		<b>495.104.000</b>
				131	551.216.600	
				511		501.106.000
				3331		50.110.600
18/12/13	HD925362, PC408	18/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642	2.415.040	
				133	241.504	
				111		2.656.544
18/12/13	HD008996, PC409	18/12/13	Thanh toán tiền mua hàng	156	12.029.500	
				133	1.202.950	
				111		13.232.450
			Cộng		70.090.351.741	70.090.351.741

**Biểu số: 2.9: Sổ cái TK 632**

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Minh Hải  
 Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Năm 2013**

**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**

**Số hiệu: 632**

*Đơn vị tính : VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			.....			
			Số phát sinh trong quý 4			
			.....			
15/12/13	PX402	15/12/13	<b>Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn</b>	156	17.962.000	
			.....			
16/12/13	PX408	16/12/13	<b>Xuất kho hàng hoá bán cho công ty CPTM Hải Đà</b>	156	495.104.000	
24/12/13	PX424	24/12/13	Xuất bán cho công ty Ngọc Việt	156	5.412.000	
31/12/13	PKT85	31/12/13	Kết chuyển GV quý 4	911		602.302.116
			Cộng PS quý 4		602.302.116	602.302.116
			Cộng PS cả năm		2.288.782.120	2.288.782.120

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.****2.2.3.1 Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.**

Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động bán hàng, quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, ...

**2.2.3.2: Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng phân bổ khấu hao.
- Phiếu chi, hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ khác có liên quan.

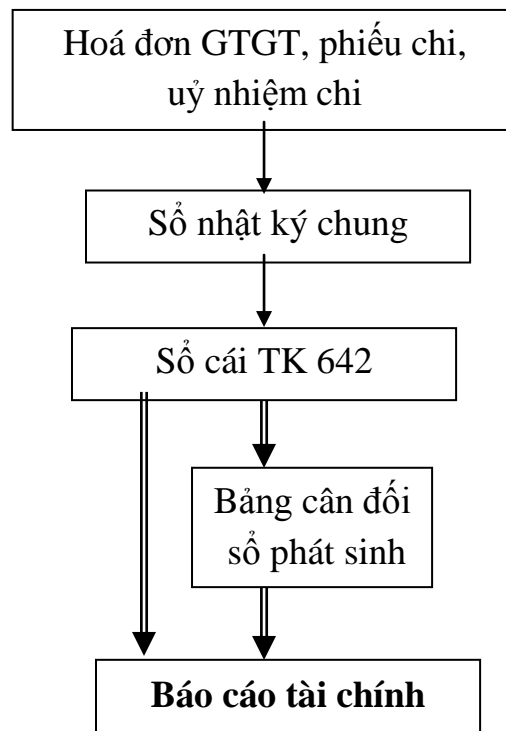
**2.2.3.3: Tài khoản sử dụng:**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh.
- Và các tài khoản khác có liên quan: TK 111, TK 112, ...

**2.2.3.4 Quy trình hạch toán.**

Quy trình hạch toán được mô tả qua sơ đồ sau:

❖ **Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh**



Ghi chú:

————> Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty**

**2.2.3.5. Ví dụ minh họa**

**Ví dụ 2.5 :**

Ngày 18/12/2013, công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại, tổng giá thanh toán là 2.656.544 (thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản:

Nợ 642: 2.415.040

Nợ 133: 241.504

Có 111: 2.656.544

Căn cứ vào Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 925362 (Biểu số 2.9), kế toán lập Phiếu chi 408 (Biểu 2.10), kế toán ghi chép nghiệp vụ này vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.11) và Sổ cái TK 642 (biểu số 2.12)

**Biểu số 2.9: Hóa đơn Giá trị Gia tăng số 925362**

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) VT01		Mẫu số 01GTKT2/001			
COMMUNICATINON SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu (Serial No):			
AA/13P Liên 2: Giao cho người mua ( Customer copy)		Số ( No): 925362			
Mã số thuế: 0200287977-022					
Viễn thông ( Telecommunication): Hải phòng-TT dịch vụ Khách hàng Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải					
Địa chỉ(Address): 58, số 351, Trị trấn An Duong Hải Phòng					
Số điện thoại(Tel): 0313.293.259 Mã số (code): HPG-01-109723 (T2SDU1) Hình thức thanh toán: TM/CK MST: 0201046773					
STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTIT)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4*5
	Kỳ cước tháng: 11/2013 a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng+ nợ cũ				1.116.920 1.298.120 0 0 0
( a + b + c + d) Cộng tiền dịch vụ(Total) (1):					2.415.040
Thuế suất GTGT(VAT rate):10%*(1)=Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					241.504
(1 + 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán ( Grand total) (1+2):					2.656.544
Số tiền viết bằng chữ (in words): Hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi tư đồng					
Người nộp tiền ký Nhân viên giao dịch ký (Signature of payer)				Ngày 8 tháng 12 năm 2013  (Signature of dealling staff)	

**Biểu số 2.10 : Phiếu chi**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải 58,  
Đường 351, Thị trấn An Dương, AD,HP

Mẫu số: 02- TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Quyển số : Số : 408  
Số: 642,133  
Có: 1111

Ngày 08 tháng 12 năm 2013

Người nhận tiền: :Hoàng Thị Hạnh

Địa chỉ : Phòng kế toán

Lý do : Trả tiền điện thoại

Số tiền: 2.656.544

Bằng chữ: Hai triệu sáu trăm năm sáu ngàn năm trăm bốn bốn đồng chẵn./

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị KT trưởng Người lập phiếu Thủ quỹ Người nhận tiền



**Biểu 2.11: Sổ nhật ký chung**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2013**

Đơn vị tính: VNĐ

	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			SPS trong Quý 4			
8/12/13	HĐ925362, PC408	8/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642	2.415.040	
				133	241.504	
				111		2.656.544
			.....			
15/12/13	PX402, HD000135	15/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn	632	17.962.000	
				156		17.962.000
				111	19.809.300	
				511		18.063.000
				3331		1.806.000
			.....			
16/12/13	PX408, HD0000141	16/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty CPTM Hải Đà	632	495.104.000	
				156		495.104.000
				131	551.216.600	
				511		501.106.000
				3331		50.110.600
			.....			
18/12/13	HĐ008996, PC409	18/12/13	Thanh toán tiền mua hàng	156	12.029.500	
				133	1.202.950	
				111		13.232.450
			Cộng		70.090.351.741	70.090.351.741

***Biểu số 2.12. Sổ cái TK 642***

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Minh Hải

Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Năm 2013**

**Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh**

**Số hiệu: 642**

*Đơn vị tính : VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong quý 4			
			.....			
<b>8/12/13</b>	<b>PC408</b>	<b>8/12/13</b>	<b>Chi tiền thanh toán cước điện thoại</b>	<b>111</b>	<b>2.415.040</b>	
			.....			
31/12/13	PC 427	31/12/13	Chi mua văn phòng phẩm	111	8.460.000	
31/12/13	PKT85	31/12/13	Kết chuyển chi phí QLKD quý 4	911		173.909.920
			Cộng phát sinh quý 4		173.909.920	173.909.920
			Cộng PS cả năm		462.756.987	462.756.987

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**2.2.4 - Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính****2.2.4.1 Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản như lãi tiền gửi ngân hàng .

Trong năm 2013, Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải không phát sinh nghiệp vụ liên quan tới chi phí tài chính.

**2.2.4.2: Chứng từ kế toán sử dụng:**

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng

Các chứng từ khác có liên quan.

**2.2.4.3: Tài khoản sử dụng:**

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

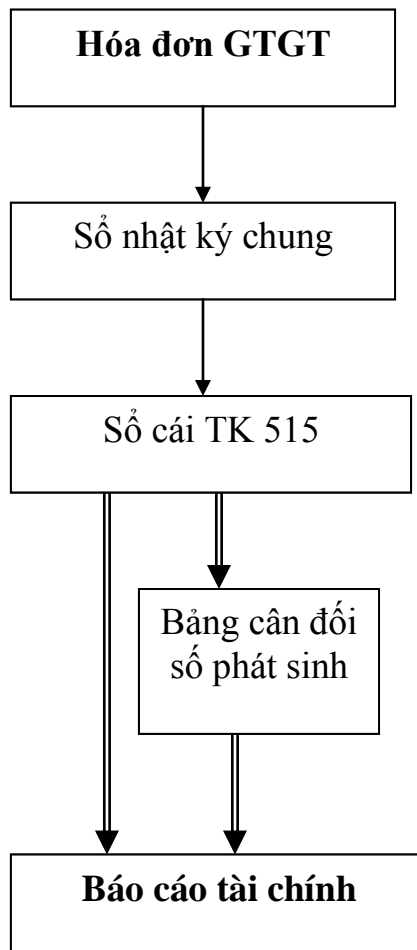
TK 112 - Tiền gửi ngân hàng.

TK 111: Tiền mặt

Và các tài khoản khác có liên quan.

2.2.4.4: Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán được mô tả qua sơ đồ sau:



Ghi chú:  
 —————> Ghi hàng ngày  
 =====> Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

❖ **Ví dụ minh họa:** Ngày 31/12/2013 Công ty nhận được Giấy báo Có của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn về lãi tiền gửi tháng 12/2013 được hưởng là 294.471 đồng.

Từ Giấy Báo Có kế toán ghi vào Nhật ký chung từ đó ghi vào Sổ cái TK 642

**Biểu số 2.13: Giấy báo Có:**

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Mã GDV: BATCH  
Mã KH: 0100109782**

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 31/12/2013

Hải Phòng

Giờ in: 9:30:11

Số chứng từ: 012.5789.2980 Ngày giờ nhận Đã hạch toán

Hôm nay, chúng tôi xin trân trọng thông báo đã ghi có Tài khoản của Quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản: 102010001247309

Số tiền: 294.471

Hai trăm chín mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi một nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Mã VAT Ngân hàng: 010021256304134 Mã VAT Khách hàng: 02004403750

GIAO DỊCH VIÊN

LIEN 2

PHONG NGHIỆP VỤ

**Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2013**

Đơn vị tính: VNĐ

	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			SPS trong Quý 4			
8/12/13	HĐ925362, PC408	8/12/13	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642	2.415.040	
				133	241.504	
				111		2.656.544
			.....			
15/12/13	PX402, HD000135	15/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn	632	17.962.000	
				156		17.962.000
				111	19.809.300	
				511		18.063.000
				3331		1.806.000
			.....			
16/12/13	PX408, HD0000141	16/12/13	Xuất kho hàng hoá bán cho công ty CPTM Hải Đà	632	495.104.000	
				156		495.104.000
				131	551.216.600	
				511		501.106.000
				3331		50.110.600
			.....			
31/12/13	BC3112	31/12/13	Lãi tiền gửi tháng 12	112	294.471	
				515		294.471
			Cộng		70.090.351.741	70.090.351.741

**Biểu số 2.15. Sổ cái TK 515**

Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Minh Hải

Địa chỉ: Đường 351, thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

**Năm 2013**

**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**

**Số hiệu: 515**

*Đơn vị tính : VND*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh trong quý 4			
			.....			
<b>31/12/13</b>	<b>BC3112</b>	<b>31/12/13</b>	<b>Lãi tiền gửi tháng 12</b>	<b>112</b>		<b>294.471</b>
			.....			
31/12/13	PKT85	31/12/13	Kết chuyển doanh thu tài chính quý 4	911	774.984	
			Cộng phát sinh quý 4		774.984	774.984
			Cộng PS cả năm		2.165.876	2.165.876

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

Trong năm 2013 công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

**2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

*2.2.6.1. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu kế toán

*2.2.6.2. Tài khoản sử dụng*

TK 911: xác định kết quả kinh doanh

TK 421: lợi nhuận chưa phân phối

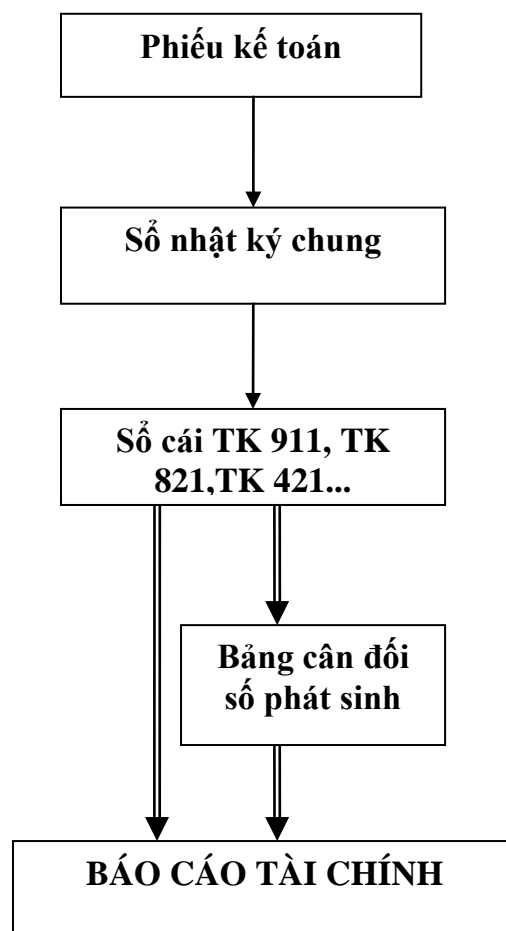
TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 632: giá vốn hàng bán

.....

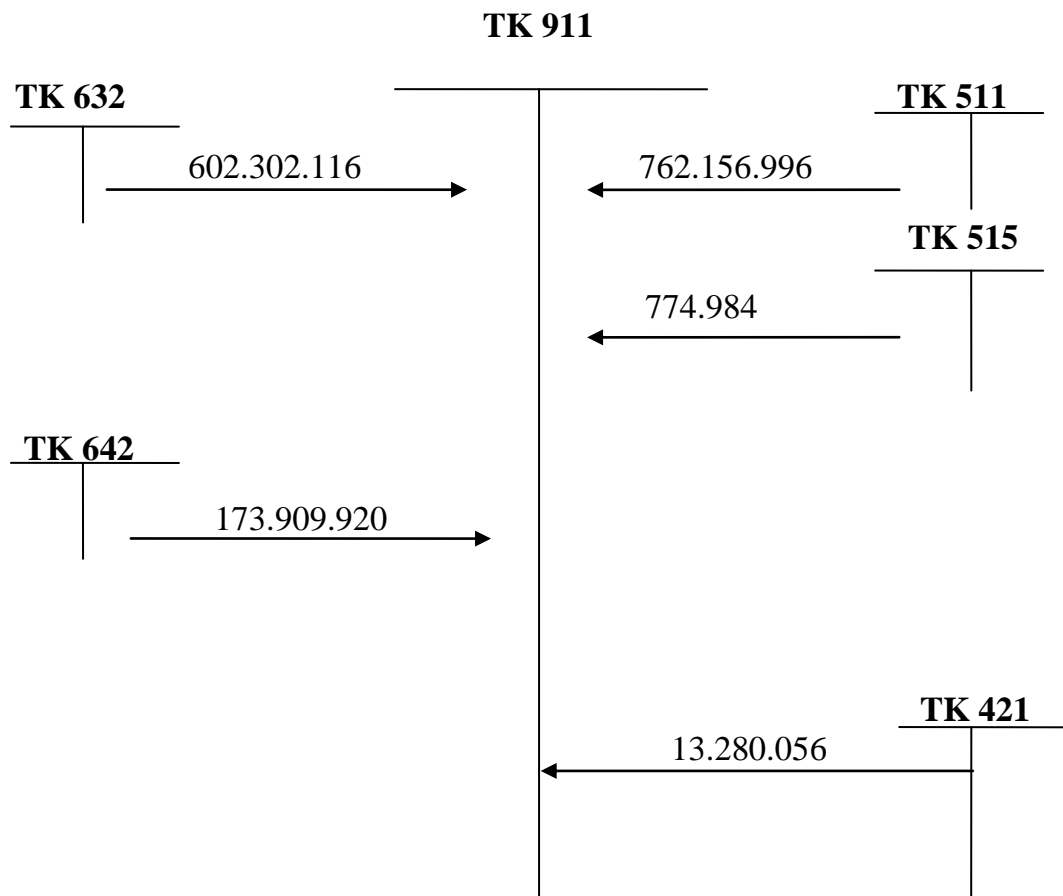
*2.2.6.3 Quy trình hạch toán*

**Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty**





**Kết quả xác định kết quả kinh doanh quý 4/2013 được khái quát qua sơ đồ sau:**



- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong quý IV là lỗ
- Cuối quý, tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập các phiếu kế toán (Biểu 2.16,2.17,2.18)
- Căn cứ vào phiếu kế toán kế toán ghi vào nhật ký chung(Biểu 2.19). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 911(biểu 2.20).
- Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.16: Phiếu kế toán

**CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH HẢI**

Số 58, Đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số: 83

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	762.156.996
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	774.984
	Cộng			762.931.980

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Biểu số 2.17: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 84

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	602.302.116
2	Kết chuyển CP quản lý kinh doanh	911	642	173.909.920
	Cộng			776.212.036

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 85

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	Kết chuyển lỗ	421	911	13.280.056
	Cộng			13.280.056

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

**Biểu 2.19:**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Mẫu số S03a -DNN  
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....		.....	.....
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV	511 515 911	762.156.996 774.984	762.931.980
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí quý IV	911 642 632	776.212.036	173.909.920 602.302.116
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển lỗ	421 911	13.280.056	13.280.056
.....	.....	.....	.....		.....	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>70.090.351.741</b>	<b>70.090.351.741</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.20:**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**  
**Năm 2013**

**Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh**

**Số hiệu :911**

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi Sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong Quý IV			
			.....			
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển doanh BH Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	511 515		762.156.996 774.984
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	632 642	602.302.116 173.909.920	
31/12	PKT 85	31/12	Kết chuyển lỗ	421		13.280.056
			<b>Cộng phát sinh quý IV</b>		<b>776.212.036</b>	<b>776.212.036</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.21:**

Mẫu số: B02-DNN  
 ( Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ/BTC  
 Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	2.7j8.628.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=02-01)	10	VI.21	2.718.628.000
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.22	2.288.782.120
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	VI.23	429.845.880
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	2.165.876
7	Chi phí tài chính	22		
	-Trong đó: chi phí lãi vay	23		
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24	VI.25	462.756.987
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+ 21-22-24)	30	VI.26	(30.745.231)
10	Thu nhập khác	31		
11	Chi phí khác	32		
12	Lợi nhuận khác	40		
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+ 40)	50	VI.27	(30.745.231)
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)	60		

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
 ( Ký, ghi rõ họ tên)

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH HẢI**

### **3.1. Đánh giá về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.**

#### **3.1.1. Kết quả đạt được.**

##### **❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy nên công tác tổ chức kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít khi xảy ra sai sót.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý.

##### **❖ Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán**

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình

thức này là khá đơn giản, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều trong các phần mềm kế toán trên máy tính.

### **Về việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.**

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

#### **3.1.2. Hạn chế.**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải vẫn còn có những hạn chế nhất định:

##### **✓ Về luân chuyển chứng từ.**

Chứng từ kế toán rất quan trọng trong công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời gian quy định. Hơn nữa việc tập hợp chứng từ vì không có quy định nghiêm ngặt về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng kế toán để xử lý dẫn đến tình trạng quá tải công việc khi chứng từ về một lúc.

Việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ là điều kiện không thể thiếu được mang tính pháp lý. Tại công ty việc này được thực hiện thường xuyên hàng ngày nhưng vẫn có trường hợp hóa đơn luân chuyển đến khâu cuối cùng vẫn thiếu chữ ký của người nhận hàng hoặc của giám đốc công ty.

##### **✓ Chưa ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán.**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi



đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

✓ **Chưa mở sổ chi tiết cho tài khoản 642**

Công ty thực hiện hệ thống tài khoản theo quyết định số 48. Theo quyết định này, tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh” bao gồm 2 tài khoản cấp 2 là 6421 “ Chi phí bán hàng” và 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Trong hệ thống sổ sách của công ty, kế toán chưa hạch toán chi tiết thành hai tài khoản cấp 2 và trong từng tài khoản chưa chi tiết theo yếu tố chi phí

✓ **Chưa mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán và bán hàng.**

Hiện nay để theo dõi doanh thu và giá vốn công ty mới chỉ mở các sổ kê toán tổng hợp chứ chưa mở các sổ chi tiết. Cụ thể đó là: Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết giá vốn hàng bán. Và tại Công ty việc lập các bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản vẫn còn hạn chế, điều này gây khó khăn cho kế toán trong việc đối chiếu sổ sách tại Công ty.

### **3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.**

#### ***3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty***

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty sẽ cho biết tình hình hoạt động của công ty ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu, hạ chi phí. Mặt khác, xác định

được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

### ***3.2.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh***

Đối với công ty nếu quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả hoạt động kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong lao động.

Đối với công tác kế toán, công tác kê toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin kế toán chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

### ***3.2.3. Nguyên tắc và điều kiện tiên hành hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần dựa trên một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng chế độ tài chính, chế độ kế toán.
- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin chính xác, kịp thời phù hợp với yêu cầu của quản lý.
- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

### ***3.2.4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Trong thời gian thực tập tại công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải đã có cơ hội tiếp cận và đối chiếu giữa công tác kế toán thực tế với những lý thuyết được học ở trường. Em xin đưa ra một số đề xuất để hoàn thiện những hạn chế còn tồn tại ở công ty như sau:

#### ***3.2.4.1 : Hiện đại hoá công tác kế toán***

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường ngày nay có rất nhiều phần mềm kế toán như :

#### **SIMBA ACCOUNTING**

**Phần mềm kế toán SIMBA – một phiên bản đóng gói của AsiaSoft**, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu những thủ tục không cần



thiết, đơn giản hóa và làm gọn nhẹ công tác kế toán.

SIMBA Accounting có giao diện thân thiện dễ sử dụng nhằm giúp cho người không giỏi về tin học và kế toán vẫn có thể sử dụng và khai thác được hệ thống phần mềm, phục vụ cho việc quản lý các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp mình. Tuy vậy SIMBA vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định: thông tư, quyết định của BTC cũng như những quy định mới nhất của các cơ quan thuế quan.

**Giá: 4,000,000 VNĐ**

Mô tả sản phẩm Ưu điểm Tiện ích Download Bảng giá Yêu cầu cấu hình\

Phân Hệ Nghiệp Vụ	Simba	Simba
	3A TMDV	3B TMDV & SX-XD
1. Quản trị hệ thống	✓	✓
2. Phân hệ tổng hợp	✓	✓
• Sổ sách kế toán	✓	✓
• Báo cáo tài chính	✓	✓
• Báo cáo thuế	✓	✓
3. Phân hệ tiền mặt, ngân hàng	✓	✓
4. Phân hệ bán hàng & công nợ phải thu	✓	✓
5. Tự in và quản lý hóa đơn theo NĐ 51	✓	✓
6. Phân hệ mua hàng & công nợ phải trả	✓	✓
7. Phân hệ quản lý hàng tồn kho	✓	✓
8. Phân hệ quản lý CCDC	✓	✓
9. Chi phí trả trước (142, 242)	✓	✓
10. Phân hệ quản lý TSCĐ	✓	✓
11. Báo cáo quản trị	✓	✓
• Báo cáo chi phí theo khoản mục, tiểu khoản, TK đối ứng	✓	✓
• Báo cáo doanh thu, chi phí theo từng vụ việc/hợp đồng, công trình	✓	✓
• Báo cáo KQKD theo từng vụ việc/ hợp đồng, công trình	✓	✓
12. Phân hệ tiền lương	✓	✓
13. Phân hệ giá thành ( giá thành gián đơn, định mức, giá thành công trình)		✓

## Phần mềm kế toán thương mại smart



Giá: 9.000.000đ

Chức năng kế toán thương mại trong phần mềm kế toán Smart

- Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng
- Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng
- Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền...
- Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho, xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau....
- Phân tích doanh thu theo thời điểm, theo dõi hàng bán bị trả lại, báo cáo doanh số theo từng nhân viên, lập biểu đồ phân tích doanh số bán hàng...
- Trích khấu hao TSCĐ và CPCPB theo từng bộ phận, theo dõi chi phí theo từng bộ phận tự động.
- Tổng hợp doanh thu và chi phí theo từng mặt hàng, nhóm hàng, từng nhân viên, hợp đồng...
- In báo cáo nhanh theo yêu cầu, in sổ kế toán hàng loạt với 1 thao tác
- Xử lý chênh lệch tỷ giá tự động, in sổ nhật kí mua hàng và bán hàng theo

từng ngày...

- Quản lí chiết khấu theo khách hàng, theo mặt hàng...
- Cảnh báo tuổi nợ từng khách hàng, cảnh báo hạn sử dụng từng mặt hàng.

### **Phần mềm kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa SmartBooks SME 2013**

Phần mềm kế toán SmartBooks SME 2013 được xây dựng nhằm hỗ trợ đắc lực công tác quản lý tài chính kế toán cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa, SmartBooks được xây dựng tuân thủ chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC cho doanh nghiệp và quyết định số 48/2006/QĐ-BTC cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.



*Giá: 2.500.000 VNĐ*

#### **Tính năng nổi bật**

**SmartBooks SME** được thiết kế chuyên nghiệp, giao diện thể hiện bằng hình ảnh trực quan, sát với qui trình quản lý của doanh nghiệp nên đơn giản, dễ sử dụng. **SmartBooks SME** cung cấp nhiều tính năng ưu việt, nổi bật so với các phần mềm cùng loại trên thị trường bao gồm:

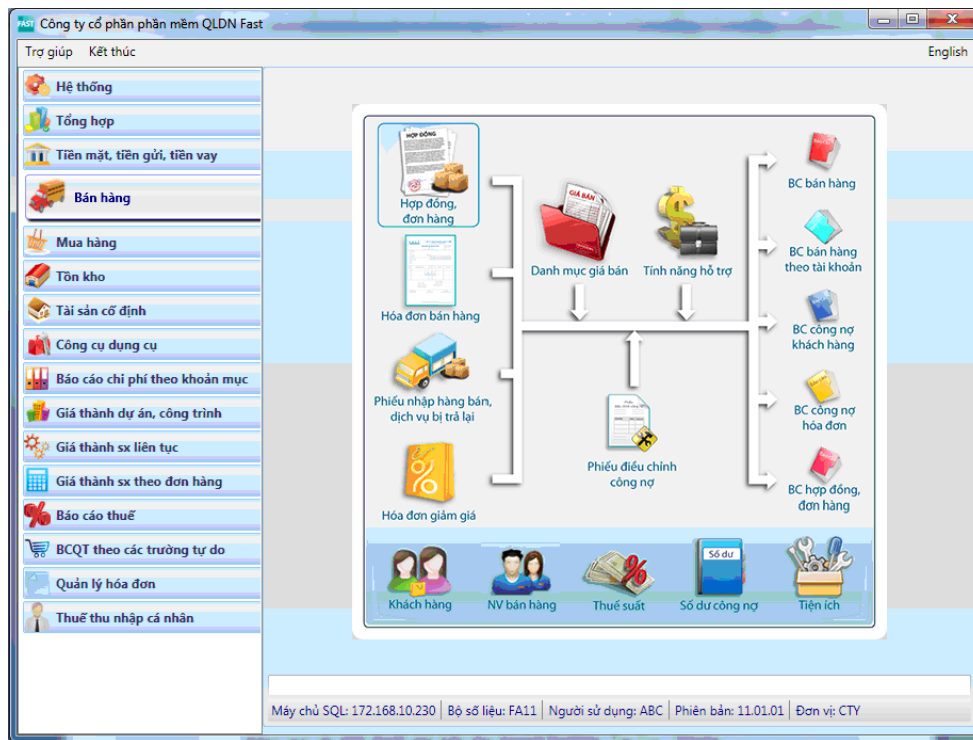
- Tính năng Quản trị Ngân sách: Cho phép lập kế hoạch thu chi, theo dõi và quản lý chặt chẽ tình hình sử dụng ngân sách của doanh nghiệp, đối chiếu so sánh giữa số thực hiện với số kế hoạch giúp lãnh đạo dễ dàng quản lý được dòng tiền trong doanh nghiệp.
- Cho phép quản lý chứng từ gốc giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp có thể kiểm soát và phê duyệt các chứng từ kế toán ngay trên phần mềm, các chứng từ gốc lưu trữ bằng File ảnh và các định dạng thông dụng khác như file PDF, Word, Excel..
- Tự động cảnh báo trong trường hợp thanh toán tiền lớn hơn 20 triệu mà sử dụng tiền mặt theo Nghị định của Chính phủ số 123/2008ND/CP ký ngày 08 tháng 12 năm 2008 Quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
- Lên báo cáo nhắc nhở chi phí không chế trong doanh nghiệp cho đến thời điểm hiện tại

- Tự động đánh lại số chứng từ vào thời điểm trước khi in báo cáo quyết toán, giúp cán bộ kế toán in sắp xếp sổ sách đẹp hơn. Số chứng từ được thiết lập theo yêu cầu của người sử dụng có thể dãy số tự nhiên hoặc theo quy luật tự đặt ra.
- Theo dõi công nợ mua và bán hàng theo rất nhiều tiêu chí: nhân viên, vùng miền. Công nợ được theo dõi đến từng hóa đơn mua và bán, từ đó theo dõi được tuổi nợ của các khoản nợ.
- Tự động thông nhắc việc giúp kế toán nắm được tình hình các khoản công nợ đến hạn thanh toán, các khoản tạm ứng nội bộ quá hạn thanh toán.
- Cho phép gửi Email tự động thông báo công nợ đến hạn cho khách hàng.
- Tự động thiết lập Email tự động gửi báo cáo hàng kỳ đến cho lãnh đạo mà không phải thao tác mở hòm thư cá nhân để gửi.
- Kết nối tự động với phần mềm HTKK, dữ liệu được kết xuất sang phần mềm HTKK gồm bảng kê thuế mua vào bán ra, hoặc các báo cáo tài chính trong phần mềm Smartbooks SME.
- Truyền và nhận dữ liệu từ các chi nhánh về văn phòng hoặc công ty mẹ thông qua máy chủ trên internet của khách hàng hoặc nhà cung cấp phần mềm một cách tự động.
- Phân tích tài khoản theo nhiều yếu tố : Phân tích và kết xuất thông tin đa chiều, một tài khoản có thể theo dõi đồng thời gần 20 yếu tố khác nhau.
- Các mẫu chứng từ thiết kế mở, linh động có khả năng thêm, bớt các thông tin đầu vào nhằm thay đổi cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp.
- **SmartBooks SME** cung cấp công cụ xem báo cáo và truy vấn ngược từ dữ liệu trong báo cáo đến chứng từ đầu vào, dễ dàng trong việc quản lý và chỉnh sửa các chứng từ mỗi khi có sai số.

***Phần mềm kế toán Fast Accounting: Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.***

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...





**Đơn giá: 6.000.000đ – 8.000.000đ sử dụng cho doanh nghiệp dịch vụ - thương mại**

Theo em công ty nên chọn phần mềm SMART PRO 2.5

Vì SMART PRO 2.5 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

*3.2.4.2: Hoàn thiện hệ thống số sách kế toán chi tiết tại Công ty*

Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác, .... Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng (biểu mẫu 3.2)

Ví dụ: Lấy lại ví dụ 2.1 ở chương 2 để ghi vào Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.2)



**Biểu 3.1:**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doang thu thuần - Giá vốn hàngbán - Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày .....tháng ..... năm.....

**Người ghi sổ**

(Ký ,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký ,họ tên)

**Biểu 3.2:**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm : Chuột quang HP 3.6

Năm.2013

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			.....						
15/12	HĐ0000135	15/12	Bán cho cty TNHH Đầu tư và thương mại Thanh Sơn	111	13	1.305.000	16.965.000		
			.....						
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm.2013

**Người ghi sổ**

(Ký ,họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký ,họ tên)

Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng hóa bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty. Vì vậy công ty nên mở thêm sổ chi tiết theo dõi giá vốn hàng bán (Biểu 3.3)

Kế toán theo dõi chi phí quản lý kinh doanh của công ty bằng TK642- chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi tiền lương, trích BHXH,... của nhân viên quản lý, chi phí mua đồ dùng văn phòng, các khoản phí, lệ phí, tiền điện, nước .... và các chi phí khác. Do đó công ty nên mở thêm sổ chi tiết tài khoản 642 – chi phí quản lý kinh doanh để chi tiết theo yếu tố chi phí (Biểu 3.3)

Ví dụ:

Lấy lại ví dụ 2.3 ở chương 2 để ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu 3.4)

Lấy lại ví dụ 2.5 để ghi sổ chi tiết chi phí QLDN theo các yếu tố chi phí (Biểu 3.5)

**Biểu 3.3:**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK 154, 631, 632, 642, 142, 242)

-Tài khoản .....-Tên phân xưởng .....

-Tên sản phẩm, dịch vụ.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK ...									
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra								
						...	...	...	...	...	...	...	...	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
			- Số dư đầu kỳ											
			Số phát sinh trong kỳ											
			.....											
			Cộng phát sinh											
			Ghi Có TK...											
			Số dư cuối kỳ											

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 31 tháng 12 năm.2013

**Người ghi sổ**  
(Ký ,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ,họ tên)

**Biểu 3.4:**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK 154, 631, 632, 642, 142, 242)

-Tài khoản 632

-Tên sản phẩm: Chuột quang HP 3.6

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra		
						Số lượng (cái)	Đơn giá(đồng)	...
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
15/12	PX 402	15/12	Xuất hàng theo HĐ 0000135	156	16.900.000	13	1.300.000	
			.....					
			Cộng phát sinh tháng 12					
			Ghi Có TK...					
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(Ký ,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ,họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm.2013

**Biểu 3.5:**

Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải

Mẫu số S18-DNN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

-Tài khoản 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 6422					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra				
						CP nhân viên quản lý	CP vật liệu quản lý	CP khấu hao TSCĐ	CP Dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số phát sinh trong kỳ							
8/12	PC408	8/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	2.415.040				2.415.040	
			.....							
			Cộng phát sinh tháng 12							
			Ghi Có TK...							

- Sổ này có .....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

Ngày 31 tháng 12 năm.2013

- Ngày mở sổ: .....

**Người ghi sổ**  
(Ký ,họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký ,họ tên)

3.2.4.3. Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải.

Để hạn chế việc mất mát hoặc bỏ sót khi giao nhận chứng từ và dễ dàng quy định trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ trong trường hợp bị thất lạc, khi giao nhận chứng từ giữa cá phòng ban cần có phiếu giao nhận chứng từ hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ. Như vậy, khi chứng từ bị thất lạc, các phòng ban có thể dễ dàng tìm lại chứng từ hoặc quy trách nhiệm cho cá nhân cụ thể.

Công ty nên lập Sổ giao nhận chứng từ để tránh tình trạng mất mát chứng từ.

**CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MINH HẢI**

**Số 58, Đường 351, Thị trấn An Dương, An Dương, Hải Phòng**

**SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày.....đến ngày.....

Ngày tháng giao nhận	Số hiệu chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Loại chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
					Bên giao	Bên nhận
1	2	3	4	5	6	7

3.2.4.4 Một số giải pháp khác

- Công ty cần liên kết với các doanh nghiệp khác và hiệp hội kế toán để tổ chức các hội thảo, các khóa học giúp cho nhân viên kế toán trang bị những kỹ năng nghề nghiệp. Từ đó giúp nhân viên kế toán có năng lực chuyên môn cao, sử dụng thạo ngoại ngữ và máy tính. Quan trọng nhất là các khóa học phẩm chất nghề nghiệp giúp nhân viên kế toán trung thực, khác quan, chính xác, chăm chỉ cẩn thận, năng động sáng tạo, khả năng quan sát phân tích tổng hợp, chịu áp lực và yêu thích con số.

- Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài
  - + Mức chiết khấu thanh toán được công ty xây dựng dựa trên cơ sở thực tế, hoặc có thể tham khảo của một số công ty cùng ngành tương đương về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính dựa vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng.
  - + Khoản chiết khấu sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
- Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho người mua khi mua với số lượng lớn, như vậy sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty, thu hút thêm nhiều khách hàng. Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành. Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.



## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn các anh chị phòng Tài chính kế toán của Công ty Đầu tư và thương mại Minh Hải đã giúp đỡ em trong thời gian qua. Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của **Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh** cùng toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng ngày ....tháng.....năm

Sinh viên

Ngô Thị Nhàn